

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực người có công thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Nội vụ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 556/QĐ-BNV ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 156/TTr-SNV ngày 26 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 28 thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Đồng Nai, cụ thể:

- Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: 05 thủ tục;
- Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 23 thủ tục.

(Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác đã được phê duyệt tại Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 18/4/2026 và Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Thủ tục hành chính trong lĩnh vực Người có công được công bố tại Quyết định này được thực hiện theo thời điểm có hiệu lực tại Quyết định số 556/QĐ-BNV ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực người có công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ tại Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực nội vụ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử, tại trụ sở làm việc của đơn vị, địa phương và Trung tâm Phục vụ hành chính công; phối hợp đơn vị liên quan rà soát, đảm bảo thực hiện đúng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền công bố; triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, hỗ trợ kỹ thuật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đối với các thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mô hình tập trung tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nội vụ; đảm bảo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nội vụ để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Sở Nội vụ, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công thành phố; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KGVX, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 24/2026/NQ-CP NGÀY 29/4/2026 VỀ CẮT GIẢM, PHÂN CẤP,
ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH LĨNH VỰC NỘI VỤ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số quyết định đã công bố
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG (XÃ-TỈNH-TRUNG ƯƠNG)						
1	1.010772	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh; Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Thủ tướng Chính phủ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
2	1.010778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nội vụ; Thủ tướng Chính phủ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025

3	1.010781	Cấp bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh; Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ trưởng hoặc cấp tương đương; Bộ Quốc Phòng; Bộ Công an; Thủ tướng Chính phủ.	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
4	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Cục Người có công; Bộ trưởng Bộ Nội vụ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
5	1.010777	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Bộ Nội vụ; Thủ tướng Chính phủ.	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025

6	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Ban Thường vụ Đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Tổng cục Chính trị (đối với người hoạt động cách mạng thuộc quân đội), Ban Thường vụ đảng ủy công an Trung ương (đối với người hoạt động cách mạng thuộc công an), cơ quan Trung ương của các đoàn thể.	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025
7	1.010774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thủ tướng Chính phủ.	1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025; 639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG (TỈNH - TRUNG ƯƠNG)

1	1.010790	Khám giám định phúc quyết của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh; Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương; Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các bộ.	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025
---	----------	--	--	---------------	---	---------------------------

2	1.010792	Khám giám định phúc quyết lần cuối của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh; Cơ quan thường trực Hội đồng y khoa các bộ; Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương; Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế; Bộ trưởng Bộ Y tế.	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025
3	1.010775	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh; Thủ tướng Chính phủ	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG						
1	1.010785	Đưa người có công đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý; Cục Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG (XÃ-TỈNH)						
1	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội vụ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025
2	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ nơi cá nhân thường trú; Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025
3	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ nơi cá nhân thường trú; Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
4	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
5	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng; Sở Nội vụ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025; 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025

6	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành nội vụ quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan quản lý hồ sơ.	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025
7	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
8	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
9	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
10	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025

11	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
12	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
13	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025
14	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025; 1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025
15	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương, Sở Nội vụ nơi thường trú của người bị thương, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh.	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025

E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Sở Nội vụ	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025
2	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền (cấp tỉnh, các bộ)	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025
3	1.013748	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ	Người có công	Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền (cấp tỉnh, các bộ)	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1	1.010773	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính	Người có công	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025

PHẦN II: NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG (XÃ-TỈNH-TRUNG ƯƠNG)

1. Thủ tục hành chính Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”

a) Trình tự thực hiện:

a.1. Đối với trường hợp hy sinh thuộc quân đội, công an quản lý

Bước 1: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn về quy trình lập hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ theo quy định.

Có văn bản đề nghị kèm hồ sơ gửi Bộ Nội vụ thẩm định trong thời gian không quá **50** ngày kể từ ngày cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh xác lập, hoàn thiện các giấy tờ quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 2: Bộ Nội vụ:

a) Trong thời gian **40** ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm thẩm định, lập tờ trình và danh sách kèm theo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”.

b) Trong thời gian **20** ngày kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng, có trách nhiệm in, chuyển Văn phòng Chính phủ đóng dấu Bằng “Tổ quốc ghi công” và chuyển hồ sơ kèm bản sao quyết định cấp bằng, Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan đề nghị thẩm định để chuyển về cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 3: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian **20** ngày kể từ ngày nhận bản sao quyết định cấp bằng, Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

a) Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ (cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con liệt sĩ, người có công nuôi liệt sĩ) và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, trao Bằng “Tổ quốc ghi công”.

Trường hợp không còn thân nhân thì tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, bàn giao Bằng “Tổ quốc ghi công” về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh.

b) Bàn giao hồ sơ kèm bản sao quyết định cấp Bằng về Sở Nội vụ nơi tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ.

a.2. Đối với trường hợp hy sinh không thuộc quân đội, công an quản lý

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh có trách nhiệm xác lập, hoàn thiện các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại các khoản 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02

cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại khoản 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo Mẫu số 34 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận hy sinh, lập tờ trình, danh, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ trong thời gian **20** ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, cấp giấy chứng nhận hy sinh; có văn bản kèm theo các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP chuyển đến Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công".

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, lập tờ trình, danh sách, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

Bước 5: Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 6: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng “Tổ quốc

ghi công” về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

a.3. Đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên tử vong do vết thương tái phát.

**** Trường hợp đang sống tại gia đình***

Bước 1: Đại diện thân nhân hoặc cá nhân có đơn đề nghị kèm giấy tờ theo quy định tại khoản 8 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương binh, người hưởng chính sách như thương binh thường trú trước khi chết.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm xác nhận đơn đề nghị, có văn bản gửi Sở Nội vụ cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ để cấp chứng nhận hy sinh.

Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian **10** ngày kể từ ngày tiếp nhận bản trích lục hồ sơ thương binh, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ kèm theo các giấy tờ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp bản trích lục hồ sơ thương binh, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, có văn bản đề nghị kèm hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian **10** ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra và gửi văn bản kèm theo các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định.

Bước 5: Bộ Nội vụ trong thời gian 40 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm thẩm định, lập tờ trình và danh sách kèm theo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”; trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng, có trách nhiệm in, chuyển Văn phòng Chính phủ đóng dấu Bằng “Tổ quốc ghi công” và chuyển hồ sơ kèm bản sao quyết định cấp bằng, Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan đề nghị thẩm định để chuyển về cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 6: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh có trách nhiệm thông báo cho thân nhân của liệt sĩ và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, trao Bằng “Tổ quốc ghi công”. Trường hợp không còn thân nhân thì tổ chức lễ truy điệu liệt

sĩ, bàn giao Bằng “Tổ quốc ghi công” về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh; Bàn giao hồ sơ kèm bản sao quyết định cấp Bằng về Sở Nội vụ nơi tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ.

**** Trường hợp đang nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công***

Bước 1: Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công có văn bản kèm giấy tờ theo quy định tại khoản 8 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ cung cấp bản trích lục hồ sơ thương binh.

Bước 2: Sở Nội vụ trong thời gian **10** ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm cung cấp trích lục hồ sơ thương binh và gửi kèm các giấy tờ quy định đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công đặt trụ sở.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian **10** ngày kể từ ngày tiếp nhận bản trích lục hồ sơ thương binh, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ nơi cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công đặt trụ sở kèm theo các giấy tờ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 4: Sở Nội vụ trong thời gian **10** ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm thẩm định, nếu đủ điều kiện thì có văn bản đề nghị gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm theo các giấy tờ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra và gửi văn bản kèm theo các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đề nghị Bộ Nội vụ thẩm định.

Bước 6: Bộ Nội vụ trong thời gian **40** ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm thẩm định, lập tờ trình và danh sách kèm theo trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”; trong thời gian **20** ngày kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng, có trách nhiệm in, chuyển Văn phòng Chính phủ đóng dấu Bằng “Tổ quốc ghi công” và chuyển hồ sơ kèm bản sao quyết định cấp bằng, Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan đề nghị thẩm định để chuyển về cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 7: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh có trách nhiệm thông báo cho thân nhân của liệt sĩ và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, trao Bằng “Tổ quốc ghi công”. Trường hợp không còn thân nhân thì tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, bàn giao Bằng “Tổ quốc ghi công” về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi liệt sĩ

thường trú trước khi hy sinh; Bàn giao hồ sơ kèm bản sao quyết định cấp Bằng về Sở Nội vụ nơi tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ.

b. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh, việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở giấy xác nhận của các cơ quan, đơn vị sau:

+ Người hy sinh là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng do thủ trưởng cấp tiểu đoàn và tương đương cấp; người hy sinh là người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và học viên cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ do thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban cấp.

+ Người hy sinh là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, lao động hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách trong công an do thủ trưởng công an cấp xã cấp.

+ Người hy sinh thuộc các cơ quan trung ương do thủ trưởng cấp vụ hoặc cấp tương đương cấp.

+ Người hy sinh không thuộc quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

- Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở các giấy tờ sau:

+ Quyết định cử đi làm nghĩa vụ quốc tế do thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp.

+ Biên bản xảy ra sự việc do cơ quan đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh lập; trường hợp không có biên bản xảy ra sự việc thì phải có giấy xác nhận trường hợp hy sinh do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP cấp.

- Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải trên cơ sở biên bản xảy ra sự việc do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh lập.

- Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải trên cơ sở văn bản giao làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập hoặc làm nhiệm vụ quốc phòng, an

ninh có tính chất nguy hiểm kèm biên bản xảy ra sự việc do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh lập.

- Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm h khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở các giấy tờ sau:

+ Quyết định phân công nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

+ Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở địa bàn đặc biệt khó khăn như sau: lý lịch cán bộ; lý lịch quân nhân; lý lịch đảng viên; hồ sơ bảo hiểm xã hội.

+ Biên bản xảy ra sự việc đối với trường hợp tai nạn hoặc bản tóm tắt hồ sơ bệnh án thể hiện mắc bệnh trong thời gian công tác tại địa bàn có điều kiện đặc biệt khó khăn.

- Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm i khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở bản kế hoạch công tác hoặc quyết định, danh sách phân công làm nhiệm vụ hoặc giấy xác nhận giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh; biên bản họp cấp ủy, lãnh đạo, cơ quan đơn vị quản lý người hy sinh thống nhất việc đề nghị công nhận liệt sĩ; bản án hoặc bản kết luận điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra.

Trường hợp không có bản án, bản kết luận vụ án của cơ quan điều tra thì phải kèm báo cáo kết thúc điều tra vụ việc hoặc báo cáo kết quả điều tra vụ việc của cơ quan điều tra có thẩm quyền và một trong các giấy tờ sau: Quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với trường hợp không xác định được đối tượng phạm tội; Quyết định truy nã bị can đối với trường hợp đối tượng phạm tội bỏ trốn hoặc không xác định được nơi đối tượng thường trú; Quyết định gia hạn điều tra; Quyết định không khởi tố vụ án, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án, quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự hoặc đã chết. Trường hợp bản án, bản kết luận vụ án, báo cáo kết thúc điều tra vụ việc hoặc báo cáo kết quả điều tra vụ việc không thể hiện rõ trường hợp hy sinh thì phải kèm theo biên bản xảy ra sự việc và báo cáo vụ việc của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh.

- Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở các giấy tờ sau:

+ Biên bản xảy ra sự việc do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự việc lập; đối với việc ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội phải có kết luận của cơ quan điều tra

cấp tỉnh trở lên.

+ Bản sao được chứng thực từ Quyết định tặng thưởng Huân chương và Quyết định tổ chức phát động học tập tấm gương của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đối với trường hợp thương binh chết do vết thương tái phát quy định tại điểm l khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở bản tóm tắt hồ sơ bệnh án và biên bản kiểm thảo tử vong xác định nguyên nhân chính gây tử vong là do vết thương cũ tái phát của Bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an).

- Đối với trường hợp mất tích theo quy định tại các điểm e, g, i, k khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải trên cơ sở căn cứ cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại các khoản 3, 4 hoặc khoản 6, 7 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, kèm theo quyết định của tòa án tuyên mất tích theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Đối với trường hợp hy sinh hoặc mất tích trong kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ, chiến tranh biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào và Campuchia, truy quét Ful rô quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh thì việc cấp giấy chứng nhận hy sinh thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 12 Chương II Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp hy sinh thuộc quân đội, công an quản lý: 130 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối với trường hợp hy sinh không thuộc quân đội, công an quản lý: Người hy sinh do Bộ trưởng hoặc cấp tương đương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận: 55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Người hy sinh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận: 45 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên tử vong do vết thương tái phát:

+ Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đang sống tại gia đình: 105 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

+ Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đang nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công: 95 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

(Thời gian giải quyết chưa tính thời gian kể từ ngày trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định cấp bằng Tổ quốc ghi công đến ngày nhận Quyết định cấp bằng).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp xã; Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh; Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh; Sở Nội vụ; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thủ tướng Chính phủ

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” và Bằng “Tổ quốc ghi công”

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Người đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế hoặc vì lợi ích của Nhà nước, của Nhân dân thì được cơ quan có thẩm quyền xem xét công nhận là liệt sĩ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Trực tiếp phục vụ chiến đấu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh được xác định là thực hiện các nhiệm vụ trong lúc trận đánh đang diễn ra hoặc trong khi địch đang bắn phá: cứu thương, tải thương, tải đạn, đảm bảo thông tin liên lạc, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu.

2. Địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh được xác định theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

3. Trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập hoặc làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh được xác định như sau:

a) Nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập có tính chất nguy hiểm trong các trường hợp sau: bắn đạn thật, sử dụng thuốc nổ; chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa thiên tai; trong huấn luyện chiến đấu, diễn tập của lực lượng: không quân, hải quân, kiểm ngư, cảnh sát biển, đặc công, trinh sát đặc nhiệm, cảnh sát cơ động, đặc nhiệm.

b) Làm nhiệm vụ quốc phòng an ninh có tính chất nguy hiểm khi: chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa thiên tai; thực hiện nhiệm vụ của kiểm ngư, cảnh sát biển; tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; rà phá, xử lý, tiêu hủy bom mìn, vật liệu nổ; nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, thử nghiệm, bảo quản, vận chuyển thuốc phóng, thuốc nổ, vũ khí, đạn dược; xây dựng công trình ngầm quốc phòng, an ninh.

4. Địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo có điều kiện đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh (sau đây gọi là địa bàn đặc biệt khó khăn) là địa bàn có điều kiện tự nhiên hiểm trở, khắc nghiệt, khó khăn dễ xảy ra tai nạn, ốm đau, bao gồm các địa bàn theo Phụ lục IV Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Không xem xét công nhận đối với các trường hợp ốm đau tại địa bàn đặc biệt khó khăn nhưng đã được đưa đi chữa trị ở bệnh viện tuyến tỉnh trở lên hoặc ốm đau ở nơi khác và đã được điều trị nhưng không chữa khỏi mà vẫn chuyển công tác về địa bàn có điều kiện đặc biệt khó khăn.

5. Trực tiếp làm nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh là trực tiếp thực thi nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhằm điều tra, phát hiện, ngăn chặn, bắt giữ đối tượng phạm tội hoặc ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự.

6. Xem xét công nhận liệt sĩ đối với trường hợp quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh gồm các yếu tố sau:

- a) Nhận thức được đầy đủ sự nguy hiểm và tính cấp bách của sự việc.
- b) Chủ động thực hiện hành vi đặc biệt dũng cảm, chấp nhận hy sinh bản thân.
- c) Bảo vệ lợi ích quan trọng của Nhà nước, tính mạng và lợi ích hợp pháp của Nhân dân hoặc để ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.
- d) Là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội, được tặng thưởng Huân chương và được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phát động học tập tấm gương.

7. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định tại các điểm c, d, đ, e, l, m khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh.

1. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện và thời gian thực hiện đối với trường hợp hy sinh không thuộc quân đội, công an quản lý; Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

2. Thủ tục hành chính Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”

a) Trình tự thực hiện

Trường hợp 1: Trường hợp Bằng “Tổ quốc ghi công” đã được cấp trước ngày Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP có hiệu lực

Bước 1: Thân nhân liệt sĩ hoặc đại diện gia đình họ tộc của liệt sĩ làm đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (kèm theo bằng cũ nếu còn).

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai, tổng hợp, lập danh sách và tờ trình gửi Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ.

Bước 3: Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ phải kiểm tra, đối chiếu hồ sơ liệt sĩ, lập danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ghi đầy đủ, chính xác các thông tin theo giấy báo tử của liệt sĩ hoặc giấy chứng nhận hy sinh đối với những trường hợp đủ điều kiện và có văn bản trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.2 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP gửi Bộ Nội vụ.

Bước 4: Bộ Nội vụ trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ do Sở Nội vụ đề nghị kèm danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp danh sách; lập tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”, phôi Bằng “Tổ quốc ghi công”, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”, đóng dấu Bằng "Tổ quốc ghi công".

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định và Bằng “Tổ quốc ghi công” có trách nhiệm gửi về Sở Nội vụ nơi đề nghị.

Bước 5: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” cấp lại, Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ gửi Bằng “Tổ quốc ghi công” đến người đề nghị.

Trường hợp 2: Trường hợp Bằng “Tổ quốc ghi công” được cấp kể từ ngày Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP có hiệu lực

Bước 1: Thân nhân liệt sĩ hoặc đại diện gia đình họ tộc của liệt sĩ làm đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (kèm theo bằng cũ nếu còn).

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai, tổng hợp, lập danh sách và tờ trình gửi Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ phải kiểm tra, đối chiếu hồ sơ liệt sĩ, lập danh sách theo Mẫu số 83 Phụ

lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ghi đầy đủ, chính xác các thông tin theo giấy báo tử của liệt sĩ hoặc giấy chứng nhận hy sinh đối với những trường hợp đủ điều kiện và có văn bản trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.2 Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ do Sở Nội vụ đề nghị kèm danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp danh sách; lập tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công, phôi Bằng “Tổ quốc ghi công”, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”, đóng dấu Bằng “Tổ quốc ghi công”.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận Quyết định và Bằng “Tổ quốc ghi công” có trách nhiệm gửi về Sở Nội vụ nơi đề nghị.

Bước 5: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” cấp lại, Sở Nội vụ gửi Bằng “Tổ quốc ghi công” đến người đề nghị.

b. Cách thức thực hiện: trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c1 Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.
- Bằng “Tổ quốc ghi công” cũ nếu còn.

c2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

(Thời gian giải quyết chưa tính thời gian hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ).

đ Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nội vụ; Thủ tướng Chính phủ (cơ quan giải quyết theo từng trường hợp cụ thể).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” và Bằng “Tổ quốc ghi công”

h. Lệ phí: Không

i Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” (Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công” trong các trường hợp: bị mất; bị thiếu thông tin do mờ chữ hoặc bị hư hại,

I. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
 - Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
 - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
 - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
 - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
 - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.
- *Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp đổi/cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”

Kính gửi:.....

1. Thông tin người đề nghị

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Nơi thường trú:.....
 Số điện thoại:.....
 Mối quan hệ với liệt sĩ:¹
 Đề nghị cấp² Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với liệt sĩ:
 Lý do đề nghị cấp.....³ Bằng “Tổ quốc ghi công”:

2. Thông tin về liệt sĩ

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Quê quán:
 Ngày tháng năm hy sinh:
 Cấp bậc, chức vụ khi hy sinh:
 Bằng Tổ quốc ghi công số:... theo Quyết định: ... ngày... tháng ... năm...
 của.....

3. Thông tin về thân nhân liệt sĩ⁴

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mối quan hệ với liệt sĩ
1			
2			
....			

....., ngày... tháng... năm...
 Xác nhận của UBND cấp xã
 Nội dung khai và chữ ký trên bản khai là đúng.
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
 (Chữ ký, dấu)
Họ và tên

.... ngày ... tháng ... năm ...
Người khai
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ mối quan hệ với liệt sĩ hoặc người được đảm nhiệm thờ cúng liệt sĩ.

² ¹⁷Ghi rõ cấp đổi hoặc cấp lại.

⁴ Áp dụng đối với trường hợp cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”.

3. Thủ tục hành chính Cấp bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh

a. Trình tự thực hiện

a.1 Đối với người hy sinh hoặc mất tích thuộc quân đội, công an quy định tại Điều 74 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

Bước 1: Đại diện gia đình, họ tộc người hy sinh hoặc mất tích có trách nhiệm gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người hy sinh thường trú ngay trước khi tham gia quân đội, công an (trường hợp người hy sinh hoặc mất tích thường trú ở nước ngoài ngay trước khi tham gia quân đội, công an hoặc không xác định được nơi người hy sinh hoặc mất tích thường trú trước khi tham gia quân đội, công an thì đại diện gia đình, họ tộc người hy sinh hoặc mất tích có trách nhiệm gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú) các giấy tờ sau:

- Đối với trường hợp hy sinh: Bản khai theo Mẫu số 13 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo một trong các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 72 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Đối với trường hợp mất tích: Bản khai theo Mẫu số 14 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo phiếu xác minh quy định tại khoản 3 Điều 72 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:

- Trong thời gian **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, xác nhận bản khai; trường hợp người hy sinh đã được chính quyền và nhân dân đưa vào an táng trong nghĩa trang liệt sĩ, có văn bản đề nghị Sở Nội vụ nơi quản lý mộ cấp giấy xác nhận mộ liệt sĩ; niêm yết công khai danh sách tại thôn, xã; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để lấy ý kiến của nhân dân. Thời hạn niêm yết thông báo tối thiểu là **30** ngày. Lập biên bản kết quả niêm yết công khai.

- Trong thời gian **10** ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản theo Mẫu số 79 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Hội đồng xác nhận người có công cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch hội đồng; các thành viên gồm: đại diện Phòng Văn hóa - Xã hội; quân sự, công an, y tế; đại diện Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi; Hội Cựu thanh niên xung phong (nếu có).

- Gửi biên bản họp Hội đồng đề nghị xác nhận liệt sĩ, biên bản niêm yết công khai, kèm theo giấy tờ, hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (đối với người hy sinh, mất tích thuộc quân đội) hoặc Công an cấp tỉnh (đối với người hy sinh, mất tích thuộc công an).

Bước 3: Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ trong thời gian **10** ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu quản lý mộ liệt sĩ của địa phương để cấp giấy xác nhận mộ liệt sĩ theo Mẫu số 48 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; tra cứu cơ sở dữ liệu quốc gia về liệt sĩ và có văn bản thông báo nếu trường hợp đề nghị đã được công nhận liệt sĩ.

Bước 4: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm:

- Hướng dẫn về quy trình tiếp nhận, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ; quy định thẩm quyền cấp chứng nhận hy sinh; lập tờ trình, danh sách, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công”, trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

- Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” có trách nhiệm thông báo cho thân nhân liệt sĩ (nếu có), người lập bản khai đề nghị; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập hồ sơ tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho thân nhân liệt sĩ hoặc người lập bản khai đề nghị; chuyển hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ địa phương nơi lập hồ sơ.

a.2 Đối với người hy sinh hoặc mất tích không thuộc quân đội, công an quy định tại Điều 75 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

Bước 1: Đại diện gia đình, họ tộc người hy sinh hoặc mất tích gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Đối với trường hợp hy sinh: Bản khai theo Mẫu số 13 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo một trong các giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 72 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Đối với trường hợp mất tích: Bản khai theo Mẫu số 14 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo phiếu xác minh quy định tại khoản 3 Điều 72 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người hy sinh, mất tích thường trú ngay trước khi tham gia cách mạng có trách nhiệm sau:

- Trong thời gian **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, xác nhận bản khai; trường hợp người hy sinh đã được chính quyền và nhân dân đưa vào an táng trong nghĩa trang liệt sĩ, có văn bản đề nghị Sở Nội vụ nơi quản lý mộ cấp giấy xác nhận mộ liệt sĩ; niêm yết công khai danh sách tại thôn, xã; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để lấy ý kiến của nhân dân. Thời hạn niêm yết thông báo tối thiểu là **30** ngày. Lập biên bản kết quả niêm yết

công khai.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản họp xác nhận người có công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận hy sinh đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền; chuyển toàn bộ hồ sơ về Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì chuyển hồ sơ đến Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp người hy sinh là Thanh niên xung phong, nếu thuộc Bộ Xây dựng quản lý thì chuyển hồ sơ đến Bộ Xây dựng để cấp giấy chứng nhận hy sinh, nếu thuộc các cơ quan, đơn vị khác quản lý thì chuyển đến Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xác minh (Sở Nội vụ là cơ quan thường trực) để kết luận, giao cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền.

Bước 3: Sở Nội vụ:

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu quản lý mộ liệt sĩ của địa phương để cấp giấy xác nhận mộ liệt sĩ theo Mẫu số 48 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; tra cứu cơ sở dữ liệu người có công và có văn bản thông báo nếu trường hợp đề nghị đã được công nhận liệt sĩ.

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, có trách nhiệm kiểm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Tiếp nhận hồ sơ liệt sĩ để quản lý và giải quyết chế độ ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 4: Bộ trưởng hoặc cấp tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 5: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng

“Tổ quốc ghi công” cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng “Tổ quốc ghi công” về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

b. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1 Thành phần hồ sơ

(1) Đối với trường hợp hy sinh:

- Bản khai theo Mẫu số 13 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước, bao gồm:

+ Giấy báo tử trận; danh sách liệt sĩ, sổ quản lý liệt sĩ lưu tại cơ quan, đơn vị có ghi tên người hy sinh, trường hợp danh sách, sổ quản lý liệt sĩ không có dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị tại thời điểm lập, ghi sổ thì cơ quan, đơn vị đang quản lý có trách nhiệm chuyển đến sư đoàn hoặc cấp tương đương trở lên để tập hợp chốt số lượng người, xác nhận danh sách, sổ quản lý và gửi số liệu theo Mẫu số 101 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP về Bộ Quốc phòng trước ngày 01 tháng 5 năm 2022.

+ Các giấy tờ, tài liệu khác có ghi nhận là liệt sĩ hoặc hy sinh trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh, cụ thể như sau:

Chiến đấu hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia.

Làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng.

Trực tiếp đấu tranh chính trị, đấu tranh binh vận có tổ chức với địch.

Hoạt động hoặc tham gia hoạt động cách mạng, kháng chiến bị địch bắt, tra tấn vẫn không chịu khuất phục, kiên quyết đấu tranh hoặc thực hiện chủ trương vượt tù, vượt ngục mà hy sinh.

Làm nghĩa vụ quốc tế.

(2) Đối với trường hợp mất tích:

- Bản khai theo Mẫu số 14 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Phiếu xác minh theo Mẫu số 90 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoặc Công an cấp tỉnh đối với trường hợp mất tích sau đây:

+ Chiến đấu hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu để bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia;

+ Làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong địa bàn địch chiếm đóng, địa

bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng;

+ Trực tiếp đấu tranh chính trị, đấu tranh binh vận có tổ chức với địch;

+ Hoạt động hoặc tham gia hoạt động cách mạng, kháng chiến bị địch bắt, tra tấn vẫn không chịu khuất phục, kiên quyết đấu tranh hoặc thực hiện chủ trương vượt tù, vượt ngục mà hy sinh;

+ Làm nghĩa vụ quốc tế;

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 100 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

(Thời gian giải quyết chưa tính thời gian hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh; Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ trưởng hoặc cấp tương đương; Bộ Quốc Phòng; Bộ Công an; Thủ tướng Chính phủ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" và Bằng "Tổ quốc ghi công"

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Bản khai để công nhận liệt sĩ đối với trường hợp hy sinh (Mẫu số 13 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP)

- Bản khai để công nhận liệt sĩ đối với trường hợp mất tích (Mẫu số 14 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP)

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Người tham gia cách mạng hy sinh, mất tích thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh và các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào và Campuchia, truy quét Ful rô, tham gia chiến tranh biên giới phía Bắc, chiến tranh biên giới Tây Nam đến nay chưa được công nhận là liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh. Thời gian cụ thể của các cuộc chiến tranh được quy định tại Phụ lục III Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Không áp dụng xem xét công nhận đối với những trường hợp sau:

+ Chết từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước, đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận không đủ điều kiện công nhận liệt sĩ hoặc đã báo tử theo chế độ tử sĩ hoặc quân nhân tử trận, tai nạn lao động.

+ Đối với trường hợp hy sinh có cơ sở, căn cứ xác nhận đủ điều kiện theo quy định thì thực hiện việc xem xét công nhận đối với từng hồ sơ cụ thể.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian giải quyết; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 13 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI****Để công nhận liệt sĩ đối với trường hợp hy sinh****1. Phần khai đối với đại diện thân nhân hoặc người được ủy quyền**

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

CCCD/CMND số Ngày cấp Nơi cấp

Quê quán:

Nơi thường trú:

Số điện thoại:

Mối quan hệ với người hy sinh:¹**2. Phần khai về người hy sinh**

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Hy sinh ngày

Cấp bậc, chức vụ khi hy sinh:

Cơ quan, đơn vị quản lý trước khi hy sinh:²Nơi hy sinh:³

Trường hợp hy sinh:

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã

Ông (bà) hiện thường trú tại và
có chữ ký trên bản khai là đúng.**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:¹ Ghi rõ mối quan hệ với người tham gia CM: cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc người thờ cúng.² Ghi rõ từ cấp Đại đội trở lên (đối với quân đội, công an) hoặc trung đội (đối với dân quân, du kích).³ Nơi hy sinh ghi rõ thôn hoặc xóm, xã, huyện, tỉnh.

Mẫu số 14 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
Để công nhận liệt sĩ đối với trường hợp mất tích

1. Phần khai đối với đại diện gia đình, họ tộc người hy sinh hoặc mất tích hoặc người được ủy quyền:

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp
 Nơi cấp
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Mỗi quan hệ với người mất tích:
 Nguồn tin cuối cùng nhận được về người mất tích (nếu có):

2. Phần khai về người mất tích:

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Quê quán:
 Nơi thường trú trước khi công tác/nhập ngũ:
 Tham gia công tác/nhập ngũ ngày tháng năm
 Cấp bậc, chức vụ trước khi mất tích:
 Cơ quan, đơn vị quản lý trước khi mất tích:
 Thời điểm mất tích:
 Nơi mất tích (nếu có):

.... ngày... tháng... năm...
 Xác nhận của UBND cấp xã
 Ông (bà) hiện thường trú tại và
 có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
 (Chữ ký, dấu)
Họ và tên

...., ngày... tháng... năm...
Người khai
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

4. Thủ tục hành chính Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 22 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công kèm bản sao được chứng thực từ quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, xác nhận đơn đề nghị, nếu đủ điều kiện thì có văn bản kèm các giấy tờ gửi Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ người có công.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có văn bản đề nghị Cục Người có công xem xét, tiếp nhận đối với trường hợp đề nghị vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do Cục quản lý.

Bước 4: Cục Người có công trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định tiếp nhận theo Mẫu số 71 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp đặc biệt, người có công hoặc thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng không thuộc đối tượng quy định tại Điều 111 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP sống cô đơn thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý trung tâm nuôi dưỡng xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể trong thời gian không quá 03 ngày làm việc.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1 Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 22 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.
- Bản sao được chứng thực từ quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công.

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

- Đối với trường hợp đặc biệt, người có công hoặc thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng không thuộc đối tượng quy định tại Điều 111 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP sống cô đơn: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Cục Người có công; Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị vào nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng người có công (Mẫu số 22 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP)

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 22 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Vào nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng người có công

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu.....

1. Thông tin về người đề nghị¹

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp
 Nơi cấp:
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Mối quan hệ với người có công:

2. Thông tin về thương binh hoặc bệnh binh

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp
 Nơi cấp:
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Là² có tỷ lệ tổn thương cơ thể %,³

Hiện đang sống độc thân và không còn thân nhân, đề nghị được vào cơ sở nuôi dưỡng người có công.

Tôi xin cam đoan chấp hành nghiêm túc mọi quy định của Nhà nước và thực hiện đầy đủ các thủ tục về việc tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng người có công theo quy định./.

.... ngày... tháng... năm...
 Xác nhận của UBND cấp xã
 Nội dung khai và chữ ký trên bản khai là đúng.
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
 (Chữ ký, dấu)
Họ và tên

...., ngày... tháng... năm...
Người khai
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

¹Áp dụng đối với trường hợp người có công không đủ năng lực hành vi dân sự thì người đề nghị khai mục này.

² Ghi rõ thương binh hay bệnh binh

³Ghi rõ có thương tật, bệnh tật đặc biệt nặng không.

5. Thủ tục hành chính Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân đang giữ bản gốc Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng “Tổ quốc ghi ơn” của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh, làm đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người hy sinh thường trú trước khi tham gia cách mạng hoặc nhập ngũ trong thời hạn 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai, tổng hợp, lập danh sách và tờ trình kèm theo các giấy tờ quy định khoản 2 Điều 23 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

Trường hợp bằng gốc không thể hiện được thông tin do mờ chữ hoặc bị hư hại, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người hy sinh thường trú trước khi tham gia cách mạng hoặc nhập ngũ có trách nhiệm niêm yết công khai tại thôn, xã lấy ý kiến Nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 20 ngày làm việc và lập biên bản kết quả niêm yết công khai. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản họp xét duyệt và có văn bản đề nghị kèm biên bản kết quả niêm yết công khai và biên bản họp xét duyệt của Hội đồng xác nhận người có công cấp xã gửi Sở Nội vụ kèm bằng gốc.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ phải kiểm tra, lập danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với những trường hợp đủ căn cứ và có văn bản trình theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục I.2 Nghị quyết 24/2026/NQ-CP gửi Bộ Nội vụ kèm theo bằng gốc; trường hợp bằng gốc không thể hiện được thông tin làm căn cứ để cấp đổi do mờ chữ thì Sở Nội vụ có văn bản gửi cơ quan chức năng đề nghị trưng cầu giám định. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả giám định, nếu có đủ căn cứ thì Sở Nội vụ có văn bản đề nghị Bộ Nội vụ kèm theo bằng gốc và kết quả giám định.

Bước 4: Bộ Nội vụ trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ do Sở Nội vụ đề nghị kèm danh sách theo Mẫu số 83 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp danh sách; lập tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”, phôi Bằng “Tổ quốc ghi công”, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”, đóng dấu Bằng “Tổ quốc ghi công”.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận Quyết định và Bằng “Tổ quốc ghi công” có trách nhiệm gửi về Sở Nội vụ nơi đề nghị.

Bước 5: Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bảng “Tổ quốc ghi công” cấp đổi, Sở Nội vụ có trách nhiệm cho sổ quản lý, lập trích lục hồ sơ liệt sĩ, lưu giữ bằng cũ và các giấy tờ liên quan trong hồ sơ, gửi Bảng “Tổ quốc ghi công” đến người đề nghị.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

c1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Bản gốc Bảng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bảng “Tổ quốc ghi ơn” của Bộ trưởng Bộ Thương binh (nay là Bộ Nội vụ) - Cự binh.

- Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 80 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

(Thời gian giải quyết chưa tính thời gian hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ và thời gian gửi cơ quan chức năng đề nghị trưng cầu giám định).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Bộ Nội vụ; Thủ tướng Chính phủ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp đổi Bảng “Tổ quốc ghi công” và Bảng “Tổ quốc ghi công”

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp đổi Bảng “Tổ quốc ghi công” (Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Người hy sinh đã được cấp Bảng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bảng “Tổ quốc ghi ơn” của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cự binh chưa được đổi thành Bảng “Tổ quốc ghi công” do Thủ tướng Chính phủ cấp.

- Thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp đổi/cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”

Kính gửi:.....

1. Thông tin người đề nghị

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Nơi thường trú:.....
 Số điện thoại:.....
 Mối quan hệ với liệt sĩ:⁵
 Đề nghị cấp⁶..... Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với liệt sĩ:
 Lý do đề nghị cấp.....⁷..... Bằng “Tổ quốc ghi công”:

2. Thông tin về liệt sĩ

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Quê quán:
 Ngày tháng năm hy sinh:
 Cấp bậc, chức vụ khi hy sinh:
 Bằng Tổ quốc ghi công số:... theo Quyết định: ... ngày... tháng ... năm....
 của.....

3. Thông tin về thân nhân liệt sĩ⁸

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mối quan hệ với liệt sĩ
1			
2			
....			

....., ngày... tháng... năm...
 Xác nhận của UBND cấp xã
 Nội dung khai và chữ ký trên bản khai là đúng.
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
 (Chữ ký, dấu)
Họ và tên

.... ngày ... tháng ... năm ...
Người khai
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

⁵ Ghi rõ mối quan hệ với liệt sĩ hoặc người được đảm nhiệm thờ cúng liệt sĩ.

^{6 17} Ghi rõ cấp đổi hoặc cấp lại.

⁸ Áp dụng đối với trường hợp cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”.

6. Thủ tục hành chính Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng

a) Trình tự thực hiện:

Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945

Bước 1: Cá nhân viết bản khai theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại Điều 5 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo Bước 1, có trách nhiệm xác nhận bản khai và gửi đầy đủ giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.

Bước 4: Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 50 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Bước 1: Cá nhân viết bản khai theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại Điều 10 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo Bước 1, có trách nhiệm xác nhận bản khai và gửi đầy đủ giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.

Bước 4: Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 50 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c1. Thành phần hồ sơ

Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945:

- Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

- Bản sao được chứng thực từ 1 trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau:

+ Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1962 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.

+ Lý lịch khai trong Cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90- CT/TW ngày 01 tháng 3 năm 1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III).

+ Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

- Đối với người đã hy sinh, từ trần từ ngày 30/6/1999 trở về trước thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau:

+ Bản sao được chứng thực từ lý lịch theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên.

+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.

+ Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.

Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945:

- Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau:

+ Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1969 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.

+ Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với

người hoạt động cách mạng do cơ quan, tổ chức đề thất lạc lý lịch khai từ năm 1969 trở về trước hoặc người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

- Đối với người đã hy sinh, từ trần trước ngày 01/01/1995 thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau:

+ Bản sao được chứng thực từ lý lịch theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 131/2021/NĐ-CP, từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên.

+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.

+ Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

(Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Ban Thường vụ Đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Tổng cục Chính trị (đối với người hoạt động cách mạng thuộc quân đội), Ban Thường vụ đảng ủy công an Trung ương (đối với người hoạt động cách mạng thuộc công an), cơ quan Trung ương của các đoàn thể, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945/người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945/người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- Giấy chứng nhận người có công.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản khai đề công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP) đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

- Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP) đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945

- Người hoạt động cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh là người được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

+ Đã tham gia một tổ chức cách mạng hoặc đã thực sự hoạt động cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

+ Được kết nạp hoặc được kết nạp lại vào Đảng Cộng sản Đông Dương trước ngày 19 tháng Tám năm 1945.

Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh.

- Danh mục ngày khởi nghĩa tại các địa phương theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Không xem xét công nhận là người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đối với người bị khai trừ ra khỏi Đảng.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI¹

Để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng
trước ngày 01 tháng 01 năm 1945

1. Phần khai về người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945

Họ và tên: Bí danh:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp:

Nơi cấp:

Quê quán:

Nơi thường trú:²

Ngày vào Đảng: Ngày chính thức:

Nguyên là: Cơ quan, đơn vị:

Đã nghỉ hưu ngày ... tháng... năm...

Có thời gian tham gia hoạt động cách mạng từ ngày... tháng... năm... đến ngày ... tháng ... năm Thuộc diện:³

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân (người thờ cúng) hưởng trợ cấp⁴

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

Căn cước/Căn cước công dân số

Ngày cấp Nơi cấp

Quê quán:

Nơi thường trú:

Số điện thoại:

Mối quan hệ với người hoạt động cách mạng:

Người hoạt động cách mạng đã chết ngày ... tháng... năm ...⁵./.

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã

Ông (bà)..... hiện thường trú tại

và là người được ủy quyền nhận trợ cấp

có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA

NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- ¹ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: Người hoạt động cách mạng còn sống hoặc đã chết.
- ² Áp dụng đối với trường hợp người hoạt động cách mạng còn sống.
- ³ Ghi rõ thuộc diện thoát lay ly hay không thoát ly.
- ⁴ Nếu người hoạt động cách mạng còn sống lập bản khai thì không khai mục này.
- ⁵ Người hoạt động cách mạng còn sống thì không khai mục này.

Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI¹

Để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

1. Phần khai về người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Họ và tên: Bí danh:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp
 Nơi cấp
 Quê quán:
 Nơi thường trú:²
 Ngày vào Đảng: Ngày chính thức:
 Nguyên là: Cơ quan, đơn vị:
 Đã nghỉ hưu ngày ... tháng ... năm...
 Có thời gian tham gia hoạt động cách mạng từ ngày... tháng... năm... đến ngày ... tháng... năm...

Chức vụ khi tham gia hoạt động cách mạng:

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân (người thờ cúng) hưởng trợ cấp³

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp
 Nơi cấp
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Mối quan hệ với người hoạt động cách mạng:
 Người hoạt động cách mạng đã chết ngày ... tháng ... năm ...⁴./.

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã

Ông (bà)..... hiện thường trú tại và là
 người được ủy quyền nhận trợ cấp, có chữ ký
 trên bản khai là đúng.

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: Người hoạt động cách mạng còn sống hoặc đã chết.

² Áp dụng đối với trường hợp người hoạt động cách mạng còn sống.

³ Nếu người hoạt động cách mạng còn sống lập bản khai thì không khai mục này.

⁴ Người hoạt động cách mạng còn sống thì không khai mục này.

7. Thủ tục hành chính Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

a.1) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 32 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

Bước 1: Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo một trong các giấy tờ quy định điểm a.1 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ (nếu có), nộp trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua dịch vụ bưu chính công hoặc trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Bước 2: Sở Nội vụ nơi đã thực hiện chế độ ưu đãi trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý; trường hợp có một trong các giấy tờ quy định tại điểm a.1 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và không thuộc các trường hợp bị chấm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, thì thực hiện như sau:

Lập danh sách kèm bản sao giấy tờ quy định tại điểm a.1 khoản này chuyển Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi để niêm yết công khai tại thôn, xã lấy ý kiến nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 30 ngày.

Có văn bản kèm bản sao các giấy tờ sau: giấy tờ quy định tại điểm a.1 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP, các giấy tờ của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP để cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận hy sinh.

Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ khi hy sinh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xác minh để kết luận, giao cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền (Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với quân nhân, Công an cấp tỉnh đối với công an, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dân quân du kích hoặc cán bộ dân chính đảng).

Thành phần Hội đồng xác minh bao gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Công an cấp tỉnh, đại diện các sở, ngành, hội có liên quan.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận danh sách và bản sao các giấy tờ do Sở Nội vụ chuyển đến, có trách nhiệm niêm yết công khai tại

thôn, xã lấy ý kiến nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 30 ngày và lập biên bản kết quả niêm yết công khai. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản họp xét duyệt và có văn bản đề nghị kèm biên bản kết quả niêm yết công khai và biên bản họp xét duyệt của Hội đồng xác nhận người có công cấp xã gửi Sở Nội vụ.

Hội đồng xác nhận người có công cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch hội đồng; các thành viên gồm: đại diện Phòng Văn hóa - Xã hội; quân sự, công an, y tế; đại diện Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi; Hội Cựu thanh niên xung phong (nếu có).

Bước 4: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công".

Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách, dự thảo Quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng "Tổ quốc ghi công" trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng "Tổ quốc ghi công", chuyển hồ sơ kèm Bằng "Tổ quốc ghi công" đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 6: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng "Tổ quốc ghi công" kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng "Tổ quốc ghi công" cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng "Tổ quốc ghi công" về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

a.2) Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 32 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

Bước 1: Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề

ngiht theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy tờ quy định tại *điểm a.2 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ* gửi trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Sở Nội vụ nơi đã thực hiện chế độ ưu đãi trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý, nếu có đủ giấy tờ quy định tại *điểm a.2 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ* khoản này mà không thuộc các trường hợp bị chấm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 Pháp lệnh thì có văn bản kèm bản sao giấy tờ quy định tại *điểm a.2 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ* này gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP để cấp giấy chứng nhận hy sinh; có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận hy sinh.

Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ khi hy sinh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xác minh (Sở Nội vụ là cơ quan thường trực) để kết luận, giao cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền (Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với quân nhân, Công an cấp tỉnh đối với công an, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dân quân du kích hoặc cán bộ dân chính đảng).

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công".

Bước 4: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách theo, dự thảo Quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng "Tổ quốc ghi công" trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng "Tổ quốc ghi công", chuyển hồ sơ kèm Bằng "Tổ quốc ghi công" đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 5: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng "Tổ quốc ghi công" kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng “Tổ quốc ghi công” về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

a.3 Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 32 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

Bước 1: Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy tờ quy định tại *điểm a.3 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ* gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Sở Nội vụ nơi đã thực hiện chế độ ưu đãi trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý, nếu có đủ giấy tờ quy định tại *điểm a.3 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ* mà không thuộc các trường hợp bị chấm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 Pháp lệnh thì có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 3: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 4: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng “Tổ quốc ghi công” về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

a.4 Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 32 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

Bước 1: Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy tờ quy định tại *điểm a.4 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ* gửi trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có trách nhiệm kiểm tra, rà soát tài liệu, bia ghi danh liệt sĩ đang quản lý, nếu đủ căn cứ thì cấp giấy xác nhận có thông tin liệt sĩ trên bia ghi danh liệt sĩ kèm căn cứ để khắc bia; có văn bản kèm giấy tờ gửi Sở Nội vụ.

Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ đang đặt tại địa phương khác thì có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bia đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin liệt sĩ trên bia ghi danh liệt sĩ kèm căn cứ để khắc bia. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận, có văn bản kèm giấy tờ gửi Sở Nội vụ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận danh sách và bản sao các giấy tờ do Sở Nội vụ chuyển đến, có trách nhiệm niêm yết công khai tại thôn, xã lấy ý kiến nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 30 ngày và lập biên bản kết quả niêm yết công khai. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản họp xét duyệt và có văn bản đề nghị kèm biên bản kết quả niêm yết công khai và biên bản họp xét duyệt của Hội đồng xác nhận người có công cấp xã gửi Sở Nội vụ.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bia ghi danh liệt sĩ có trách nhiệm cấp giấy xác nhận thông tin liệt sĩ trên bia ghi danh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ nhận được văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn kèm đầy đủ giấy tờ, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý, nếu đủ giấy tờ quy định tại *điểm a.4 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ* mà không thuộc các trường hợp bị chấm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 Pháp lệnh thì thực hiện như sau:

Lập danh sách kèm bản sao giấy tờ quy định tại *điểm a.4 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ* chuyển Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị thường trú để niêm yết công khai tại thôn, xã lấy ý kiến nhân dân, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương trong thời gian tối thiểu 30 ngày.

Có văn bản kèm bản sao các giấy tờ sau: giấy tờ quy định tại *điểm a.4 khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số*

24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ, các giấy tờ của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 16 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP để cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã; có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận hy sinh.

Đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan, đơn vị quản lý liệt sĩ khi hy sinh thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xác minh (Sở Nội vụ là cơ quan thường trực) để kết luận, giao cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền (Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với quân nhân, Công an cấp tỉnh đối với công an, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với dân quân du kích hoặc cán bộ dân chính đảng).

Bước 4: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận hy sinh chuyển đến Sở Nội vụ.

Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công".

Bước 5: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, cấp giấy chứng nhận hy sinh theo thẩm quyền, lập tờ trình, danh sách, dự thảo Quyết định cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng "Tổ quốc ghi công" trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng "Tổ quốc ghi công", chuyển hồ sơ kèm Bằng "Tổ quốc ghi công" đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 6: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng "Tổ quốc ghi công" kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng "Tổ quốc ghi công" cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng "Tổ quốc ghi công" về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

b. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 32 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; Phiếu điều chỉnh trợ cấp; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 32 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ- Đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; Phiếu điều chỉnh trợ cấp; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

- Một trong các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận là liệt sĩ, hy sinh; trường hợp có tên trong danh sách, sổ quản lý liệt sĩ không có dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị tại thời điểm lập, ghi sổ nhưng đang do cơ quan chức năng địa phương quản lý thì cơ quan đang quản lý, lưu trữ tập hợp, chốt số lượng người từng trang; ghi tổng số trang, tổng số người tại trang cuối cùng và ký, đóng dấu. Thời gian hoàn thành trước 01 tháng 3 năm 2027.

Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 32 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; Phiếu điều chỉnh trợ cấp; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

- Có một trong các giấy tờ: giấy báo tử, giấy báo tử trận, giấy chứng nhận hy sinh hoặc có hồ sơ đang lưu tại Sở Nội vụ.

Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 32 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; Phiếu điều chỉnh trợ cấp; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác

nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

- Có giấy xác nhận thông tin liệt sĩ trên bia ghi danh liệt sĩ từ cấp xã trở lên kèm theo các giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc xác nhận để khắc bia của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bia ghi danh liệt sĩ.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ: 130 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ: 80 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ: 55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 32 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ

+ Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị quản lý: 135 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

+ Trường hợp bia ghi danh liệt sĩ không do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đề nghị quản lý: 143 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

(Thời gian giải quyết chưa tính thời gian trình Thủ tướng Chính phủ).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh; Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ Nội vụ; Thủ tướng Chính phủ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” và Bằng “Tổ quốc ghi công”.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi (Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đủ điều kiện, tiêu chuẩn xem xét công nhận.

I. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
 - Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
 - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
 - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
 - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
 - Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.
- *Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện; thời gian thực hiện; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”

Kính gửi:.....

1. Thông tin người đề nghị

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh:Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Số điện thoại:.....
 Mối quan hệ với người được đề nghị:

2. Thông tin người hy sinh được đề nghị cấp Bằng

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh:Nam/Nữ:
 Quê quán:
 Ngày tháng năm hy sinh..... tại
 Cấp bậc/chức vụ:.....
 Cơ quan, đơn vị khi hy sinh:

3. Giấy tờ, thông tin kèm theo⁹

.....

...., ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã
 Thông tin người đề nghị và chữ ký
 trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

.... ngày ... tháng ... năm ...

Người khai
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: ⁹ Giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG (TỈNH - TRUNG ƯƠNG)

1. Thủ tục hành chính Khám giám định phúc quyết của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản giám định y khoa nếu không đồng ý phải có đơn đề nghị khám giám định phúc quyết kèm bản sao được chứng thực từ biên bản khám giám định y khoa gửi: Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh đã khám giám định cho đối tượng hoặc Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các bộ đã khám giám định cho đối tượng. Quá thời gian trên nêu trên, cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các cấp và các cơ quan có thẩm quyền không xem xét, giải quyết.

Bước 2: Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn có văn bản đề nghị khám giám định phúc quyết kèm theo các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 166 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và hồ sơ đề nghị khám giám định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền gửi cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương.

Bước 3: Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và gửi biên bản giám định y khoa phúc quyết đến cá nhân có đơn đề nghị, cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh và cơ quan thực hiện chế độ ưu đãi để xem xét, giải quyết chế độ. Trường hợp quá thời gian trên chưa ban hành biên bản phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị.
- Bản sao được chứng thực từ biên bản khám giám định y khoa.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn và giấy tờ theo quy định (thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh; Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương; Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các bộ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản giám định y khoa phúc quyết.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện.*

2. Thủ tục hành chính Khám giám định phúc quyết lần cuối của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản giám định y khoa nếu không đồng ý phải có đơn đề nghị khám giám định phúc quyết lần cuối kèm bản sao được chứng thực từ biên bản khám giám định y khoa gửi: cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương đã khám giám định cho đối tượng hoặc cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các Bộ đã khám giám định phúc quyết cho đối tượng. Quá thời gian trên nêu trên, cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương, các bộ và các cơ quan có thẩm quyền không xem xét, giải quyết.

Bước 2: Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa đã khám cho đối tượng trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn có văn bản đề nghị khám giám định phúc quyết lần cuối kèm theo các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 12 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ và bản sao hồ sơ đề nghị khám giám định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền gửi Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế.

Bước 3: Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị khám giám định phúc quyết lần cuối báo cáo và trình Bộ trưởng Bộ Y tế thành lập Hội đồng giám định y khoa phúc quyết lần cuối.

Bước 4: Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa phúc quyết lần cuối trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quyết định thành lập Hội đồng giám định y khoa phúc quyết lần cuối tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và gửi biên bản giám định y khoa phúc quyết lần cuối đến cá nhân có đơn đề nghị, cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh và cơ quan thực hiện chế độ ưu đãi để xem xét, giải quyết chế độ. Trường hợp chưa ban hành biên bản phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị.
- Bản sao được chứng thực từ biên bản khám giám định y khoa.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn và giấy tờ theo quy định (thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương; Cơ quan thường trực Hội đồng y khoa các bộ; Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Bộ Y tế; Bộ trưởng Bộ Y tế; Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản giám định y khoa phúc quyết lần cuối.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện.*

3. Thủ tục hành chính Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Thân nhân hoặc đại diện gia đình họ tộc người hy sinh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn, có trách nhiệm rà soát hồ sơ, tài liệu đang quản lý, nếu không thuộc các trường hợp bị chấm dứt chế độ ưu đãi quy định tại khoản 3 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng và hồ sơ đúng quy định thì có văn bản kèm hồ sơ và bản sao y danh sách chi trả trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, lập tờ trình, danh sách, dự thảo Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phôi Bằng “Tổ quốc ghi công” trình Thủ tướng Chính phủ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận quyết định cấp bằng và Bằng “Tổ quốc ghi công”, chuyển hồ sơ kèm Bằng “Tổ quốc ghi công” đến cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh.

Bước 4: Cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Bằng “Tổ quốc ghi công” kèm hồ sơ, có trách nhiệm:

Thông báo cho thân nhân của liệt sĩ; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú tổ chức lễ truy điệu và trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho đại diện thân nhân liệt sĩ; bàn giao hồ sơ liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú.

Trường hợp không còn thân nhân thì bàn giao hồ sơ liệt sĩ, Bằng “Tổ quốc ghi công” về Sở Nội vụ nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh để trao Bằng cho người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian giải quyết chưa tính thời gian trình Thủ tướng Chính phủ)

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bộ Nội vụ; Thủ tướng Chính phủ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” và Bằng “Tổ quốc ghi công”

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi (Mẫu số 15 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đủ điều kiện, tiêu chuẩn xem xét công nhận.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”
 Kính gửi:

1. Thông tin người đề nghị

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp:

Nơi cấp:

Quê quán:

Số điện thoại:

Mối quan hệ với người được đề nghị:

2. Thông tin người hy sinh được đề nghị cấp Bằng

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

Quê quán:

Ngày tháng năm hy sinh tại

Cấp bậc/chức vụ:

Cơ quan, đơn vị khi hy sinh:

3. Giấy tờ, thông tin kèm theo¹

.....

.....

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã

Thông tin người đề nghị và chữ ký trên bản
khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

....., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: ¹ Giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 21 Nghị định 131/2021/NĐ-CP.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục hành chính Đưa người có công đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 23 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ gửi Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

Bước 2: Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trong thời gian 03 ngày làm việc có văn bản gửi Cục Người có công.

Bước 3: Cục Người có công trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm ban hành quyết định đưa người có công về gia đình theo Mẫu số 71 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Bộ có trách nhiệm chuyển quyết định và tổ chức đưa người có công về gia đình.

b. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c1. Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị theo Mẫu số 23 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; Cục Người có công

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định đưa người có công về nuôi dưỡng tại gia đình.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị chuyển từ cơ sở nuôi dưỡng người có công về gia đình (Mẫu số 23 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đưa người có công về nuôi dưỡng tại gia đình đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 23 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chuyển từ cơ sở nuôi dưỡng người có công về gia đình

Kính gửi: Giám đốc Trung tâm.....

1. Thông tin về người đề nghị²³

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:.....Nam/Nữ:

CCCD/CMND số..... Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Quê quán:

Nơi thường trú:.....

Số điện thoại:.....

Mối quan hệ với người có công:

2. Thông tin về người có công

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh:, Nam/Nữ:

CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp

Quê quán:

Nơi thường trú²⁴:

Là²⁵..... có tỷ lệ tổn thương cơ thể.....%,.....²⁶

Đề nghị được về sống tại gia đình, địa chỉ²⁷.....

.... ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

²³ Áp dụng đối với trường hợp người có công không đủ năng lực hành vi dân sự thì người đề nghị khai mục này.

²⁴ Ghi rõ tên, địa chỉ (xã, huyện, tỉnh) của cơ sở nuôi dưỡng.

²⁵ Ghi rõ diện người có công (thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học....).

²⁶ Ghi rõ có thương tật, bệnh tật đặc biệt nặng không.

²⁷ Ghi rõ thôn, xã, huyện, tỉnh.

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG (XÃ-TỈNH)

1. Thủ tục hành chính Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng

a) Trình tự thực hiện:

Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945

Bước 1: Cá nhân viết bản khai theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại Điều 5 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định tại điểm a1 khoản 10 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ, có trách nhiệm xác nhận bản khai và gửi đầy đủ giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.

Bước 4: Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 50 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Bước 1: Cá nhân viết bản khai theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại Điều 10 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ quy định tại điểm b1 khoản 10 tiểu mục V Mục 1.2 Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ, có trách nhiệm xác nhận bản khai và gửi đầy đủ giấy tờ đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận theo Mẫu số 49 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người hưởng trợ cấp thường trú để giải quyết chế độ ưu đãi.

Bước 4: Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 50 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c1. Thành phần hồ sơ

Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945:

- Bản khai đề công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

- Bản sao được chứng thực từ 1 trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau:

- + Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1962 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.

- + Lý lịch khai trong Cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90- CT/TW ngày 01 tháng 3 năm 1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III).

- + Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

- Đối với người đã hy sinh, từ trần từ ngày 30/6/1999 trở về trước thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau:

- + Bản sao được chứng thực từ lý lịch theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên.

- + Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.

- + Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.

Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945:

- Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP)

- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia hoạt động cách mạng sau:

+ Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1969 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.

+ Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng do cơ quan, tổ chức để thất lạc lý lịch khai từ năm 1969 trở về trước hoặc người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

- Đối với người đã hy sinh, từ trần trước ngày 01/01/1995 thì bổ sung thêm một trong các giấy tờ sau:

+ Bản sao được chứng thực từ lý lịch theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 131/2021/NĐ-CP, từ hồ sơ khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hoặc từ hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ của Đảng, Nhà nước, bảo tàng lịch sử từ cấp huyện trở lên.

+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.

+ Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945/người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945/người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- Giấy chứng nhận người có công.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP) đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

- Bản khai để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP) đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945

- Người hoạt động cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh là người được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

+ Đã tham gia một tổ chức cách mạng hoặc đã thực sự hoạt động cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

+ Được kết nạp hoặc được kết nạp lại vào Đảng Cộng sản Đông Dương trước ngày 19 tháng Tám năm 1945.

Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh.

- Danh mục ngày khởi nghĩa tại các địa phương theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

c) Không xem xét công nhận là người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đối với người bị khai trừ ra khỏi Đảng.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện.*

Mẫu số 01 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI¹

Để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng
trước ngày 01 tháng 01 năm 1945

1. Phần khai về người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945

Họ và tên: Bí danh:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp:
 Nơi cấp
 Quê quán:
 Nơi thường trú:²
 Ngày vào Đảng: Ngày chính thức:
 Nguyên là: Cơ quan, đơn vị:
 Đã nghỉ hưu ngày ... tháng... năm...
 Có thời gian tham gia hoạt động cách mạng từ ngày... tháng... năm... đến ngày ...
 tháng ... năm Thuộc diện:³

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân (người thờ cúng) hưởng trợ cấp⁴

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số
 Ngày cấp Nơi cấp
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Mối quan hệ với người hoạt động cách mạng:
 Người hoạt động cách mạng đã chết ngày ... tháng... năm ...⁵./.

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã
 Ông (bà)..... hiện thường trú tại
 và là người được ủy quyền nhận trợ cấp
 có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA

NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

¹ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: Người hoạt động cách mạng còn sống hoặc đã chết.

² Áp dụng đối với trường hợp người hoạt động cách mạng còn sống.

³ Ghi rõ thuộc diện thoát ly hay không thoát ly.

⁴ Nếu người hoạt động cách mạng còn sống lập bản khai thì không khai mục này.

⁵ Người hoạt động cách mạng còn sống thì không khai mục này.

Mẫu số 02 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI¹

Để công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

1. Phần khai về người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Họ và tên: Bí danh:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp
 Nơi cấp
 Quê quán:
 Nơi thường trú:²
 Ngày vào Đảng: Ngày chính thức:
 Nguyên là: Cơ quan, đơn vị:
 Đã nghỉ hưu ngày ... tháng ... năm...
 Có thời gian tham gia hoạt động cách mạng từ ngày... tháng... năm... đến ngày ... tháng... năm...

Chức vụ khi tham gia hoạt động cách mạng:

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân (người thờ cúng) hưởng trợ cấp³

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp
 Nơi cấp
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Mối quan hệ với người hoạt động cách mạng:
 Người hoạt động cách mạng đã chết ngày ... tháng ... năm ...⁴./.

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã

Ông (bà)..... hiện thường trú tại và là
 người được ủy quyền nhận trợ cấp, có chữ ký
 trên bản khai là đúng.

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: Người hoạt động cách mạng còn sống hoặc đã chết.

² Áp dụng đối với trường hợp người hoạt động cách mạng còn sống.

³ Nếu người hoạt động cách mạng còn sống lập bản khai thì không khai mục này.

⁴ Người hoạt động cách mạng còn sống thì không khai mục này.

2. Thủ tục hành chính Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Sở Nội vụ nơi cá nhân thường trú trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định trợ cấp tuất hàng tháng đối với vợ hoặc chồng của liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác theo Mẫu số 54 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ của liệt sĩ do địa phương khác quản lý thì Sở Nội vụ nơi thường trú có văn bản đề nghị Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc cung cấp bản trích lục hồ sơ liệt sĩ kèm văn bản xác nhận chưa giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi.

Bước 3: Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, có trách nhiệm cung cấp bản trích lục hồ sơ liệt sĩ theo Mẫu số 95 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm văn bản xác nhận chưa giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Trường hợp nuôi con liệt sĩ đến tuổi trưởng thành: Văn bản đồng thuận của con liệt sĩ có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trường hợp chăm sóc bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống:

+ Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bố, mẹ liệt sĩ thường trú khi còn sống

+ Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của liệt sĩ; cháu ruột của liệt sĩ mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản theo Mẫu số 80 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

+ Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ ba của liệt sĩ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự (cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của liệt sĩ; cháu ruột của người chết mà liệt sĩ là bác ruột, chú ruột, cậu ruột,

cô ruột, dì ruột; chất ruột của liệt sĩ mà liệt sĩ là cụ nội, cụ ngoại) nếu những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của liệt sĩ không còn.

+ Văn bản đồng thuận có xác nhận về chữ ký và nơi thường trú của Ủy ban nhân dân cấp xã của những thành viên vắng mặt không dự họp.

- Trường hợp không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ khi còn sống:

+ Các Biên bản họp đồng thuận của thân nhân liệt sĩ hoặc của những người thuộc hàng thừa kế thứ hai hoặc thứ ba của liệt sĩ.

+ Một trong các giấy tờ chứng minh lý do không chăm sóc được bố, mẹ liệt sĩ vì hoạt động cách mạng: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; hồ sơ bảo hiểm xã hội; các giấy tờ, tài liệu khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trong thời gian tham gia cách mạng.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Nội vụ nơi thường trú của cá nhân đồng thời là Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ.

- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với trường hợp Sở Nội vụ nơi thường trú của cá nhân không phải là Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc liệt sĩ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ nơi cá nhân thường trú; Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc trợ cấp tuất hằng tháng đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đã lấy chồng hoặc vợ khác.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị giải quyết chế độ đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác (Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

- Biên bản họp đồng thuận giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng của liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác (Mẫu số 80 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện.*

Mẫu số 17 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Giải quyết chế độ đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh¹.....

1. Thông tin người đề nghị

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp
 Nơi cấp
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Là vợ (chồng) của liệt sĩ.
 Đã lấy chồng (vợ) khác từ ngày ... tháng ... năm ...
 Hiện đang hưởng chế độ ưu đãi:

2. Thông tin liệt sĩ

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Quê quán:
 Ngày tháng năm hy sinh tại
 Cấp bậc, chức vụ khi hy sinh:
 Cơ quan, đơn vị khi hy sinh:
 Đã được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” số theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thông tin về thân nhân liệt sĩ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm mất	Nơi thường trú	Mối quan hệ với liệt sĩ
1					
....					

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã

Ông (bà)..... hiện thường trú tại..... và có
 chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

....., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: ¹ Sở Nội vụ nơi người làm đơn thường trú

3. Thủ tục hành chính Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ

a) Trình tự thực hiện:

- Trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm văn bản ủy quyền của những người quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính.

- Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đơn đề nghị, lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

- Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu hồ sơ của liệt sĩ đang quản lý, ban hành quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ theo Mẫu số 55 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Quyết định này được thực hiện liên tục nếu không có sự thay đổi về người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc về mức trợ cấp. Người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ được hưởng trợ cấp hằng năm kể từ năm Sở Nội vụ ban hành quyết định.

Trường hợp hồ sơ gốc của liệt sĩ do địa phương khác quản lý thì Sở Nội vụ có văn bản đề nghị nơi quản lý hồ sơ thực hiện di chuyển hồ sơ liệt sĩ kèm văn bản xác nhận chưa được giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1 Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.
- Văn bản ủy quyền.

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ nơi cá nhân thường trú; Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị giải quyết trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ hoặc cơ quan, đơn vị được giao thờ cúng liệt sĩ được xác định theo quy định khoản 6 Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 18 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ

Kính gửi:.....

1. Thông tin người đề nghị

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:.....

Căn cước/Căn cước công dân sốNgày cấp.....

Nơi cấp:.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:

Số điện thoại:

Mối quan hệ với liệt sĩ:.....

Được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ¹:

Quê quán:.....

Bằng “Tổ quốc ghi công” sốtheo Quyết định số:ngày ... tháng ... năm... của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tin về thân nhân liệt sĩ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm mất	Nơi thường trú	Mối quan hệ với liệt sĩ
1					
2					
....					

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã

Ông (bà)..... hiện thường trú tại..... và có
chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: ¹ Ghi họ và tên liệt sĩ

4. Thủ tục hành chính Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản sao được chứng thực từ quyết định tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” gửi trên Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản khai của cá nhân có trách nhiệm xác nhận bản khai và lập danh sách kèm theo các giấy tờ nêu trên gửi Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định trợ cấp, phụ cấp theo Mẫu số 57 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Bản khai Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.
- Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống: Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.
- Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng được truy tặng: Bản sao được chứng thực từ quyết định truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.
- Trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: Bản sao được chứng thực từ quyết định tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định về việc trợ cấp, phụ cấp ưu đãi Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Bản khai để giải quyết chế độ Bà mẹ Việt Nam anh hùng (Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ.*

Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI¹⁰
Để giải quyết chế độ Bà mẹ Việt Nam anh hùng

1. Phần khai về Bà mẹ Việt Nam anh hùng¹¹

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Quyết định phong tặng/truy tặng sốngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch nước.

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân hưởng trợ cấp¹²

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:.....
 Mối quan hệ với BMVNAH:
 BMVNAH đã chết ngày ... tháng ... năm ...¹³/.

..., ngày... tháng... năm...
 Xác nhận của UBND cấp xã
 Ông (bà)..... hiện thường trú
 tại..... và có chữ ký trên bản khai là đúng.
QUYỀN HẠN, CHÚC VU CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

.... ngày ... tháng ... năm ...
Người khai
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

¹⁰ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống hoặc đã chết.

¹¹ Nội dung bắt buộc kê khai trong cả 2 trường hợp BMVNAH còn sống hoặc đã chết.

¹² Nếu BMVNAH còn sống lập bản khai thì không ghi mục này.

¹³ BMVNAH còn sống thì không khai mục này.

5. Thủ tục hành chính Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân có đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm giấy khám và chỉ định việc sử dụng phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng do bệnh viện cấp tỉnh trở lên cấp (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo Mẫu số 40 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý có trách nhiệm:

- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 90 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có trách nhiệm kiểm tra, gửi hồ sơ đến Sở Nội vụ kèm văn bản đề nghị cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định cấp tiền của Sở Nội vụ, có trách nhiệm chi cho người được cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng. Đồng thời cập nhật danh sách quản lý người được cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

- Hằng năm, lập và phê duyệt danh sách người đến niên hạn được cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng theo Mẫu số 89 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Tổ chức chi trả tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

Bước 3: Sở Nội vụ có trách nhiệm:

Đối với trường hợp đề nghị cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng lần đầu, trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy tờ có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu, ban hành quyết định cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng theo Mẫu số 69 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, chuyển về Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công. Đồng thời cập nhật danh sách quản lý người được cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

Hằng năm, trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP, có trách nhiệm kiểm tra, phê duyệt danh sách và gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng để thực hiện.

b. Cách thức thực hiện: trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng (Mẫu số 21 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

- Giấy khám và chỉ định sử dụng phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị chỉnh hình phục hồi chức năng (Mẫu số 40 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp đề nghị cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng lần đầu: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với trường hợp đề nghị cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng không phải lần đầu: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

(Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng; Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng (Mẫu số 21 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP)

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định

chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời gian thực hiện.*

Mẫu số 21 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện,
thiết bị phục hồi chức năng

Kính gửi:.....¹⁴.....

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

CCCD/CMND số Ngày cấp Nơi cấp

Số điện thoại:

Đang hưởng trợ cấp:

Nơi quản lý hồ sơ và chi trả trợ cấp:

Số hồ sơ:

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (nếu có):

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp tiền để mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng như sau:

Số TT	Loại phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng
1	
2	
...	

...., ngày... tháng... năm...

Xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền¹⁵

Ông (bà).....

hiện thường trú tại.....

và có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

.... ngày ... tháng ... năm

...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

¹⁴ Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

¹⁵ UBND cấp xã xác nhận đối với người đang thường trú trên địa bàn; cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng xác nhận đối với người đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm; cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận đối với người đang công tác trong quân đội, công an.

6. Thủ tục hành chính Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Nội vụ quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 25 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận đơn đề nghị, lập danh sách kèm đơn gửi cơ quan quản lý hồ sơ.

Bước 3: Cơ quan quản lý hồ sơ trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ người có công để cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị theo Mẫu số 25 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý hồ sơ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công/thân nhân liệt sĩ (Mẫu số 25 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ)

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện, thời gian thực hiện.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận.....¹...

Kính gửi:.....²

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:.....

Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp

Nơi cấp.....

Quê quán.....

Nơi thường trú:

Số điện thoại:

Tôi là³.....

Đã được hưởng trợ cấp theo quyết định số⁴

Đề nghị được cấp bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận⁵.....

Lý do⁶:

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền⁷
Ông (bà) hiện thường trú tại..... và có
chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

....., ngày... tháng... năm...

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

¹Ghi rõ loại giấy chứng nhận đề nghị cấp bổ sung/cấp lại (Giấy chứng nhận thương binh, Giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ...).

²Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú/cơ quan có thẩm quyền.

³Ghi rõ diện người có công (thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học...).

⁴Ghi rõ số Quyết định hưởng trợ cấp, ngày tháng năm, nơi cấp.

⁵Ghi rõ loại giấy chứng nhận đề nghị cấp bổ sung/cấp lại (Giấy chứng nhận thương binh, Giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ...).

⁶Ghi rõ lý do đề nghị cấp lại/cấp bổ sung.

⁷Cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xác nhận đối với người đang công tác trong quân đội, công an. UBND cấp xã xác nhận đối với người có công hoặc thân nhân liệt sĩ do ngành Nội vụ quản lý.

7. Thủ tục hành chính Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

a) Trình tự thực hiện

a1) Đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học quy định tại Điều 56 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

Bước 1: Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm các giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai và lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp đủ điều kiện gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh kèm bản sao giấy tờ ghi nhận mắc bệnh.

Trường hợp người hoạt động kháng chiến không mắc bệnh quy định tại điểm a khoản 3 Điều 53 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP mà sinh con dị dạng, dị tật quy định tại điểm b khoản 3 Điều 53 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp bệnh binh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì Sở Nội vụ cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh để khám giám định tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Bước 4: Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Sở Nội vụ.

Bước 5: Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm xem xét, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a.2 Đối với người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ mà bố (mẹ) chưa được công nhận là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

Bước 1: Cá nhân lập bản khai theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm xác nhận bản khai và lập danh sách gửi Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, đối chiếu dị dạng dị tật của con ghi trong các giấy tờ: văn bản của Trạm trưởng trạm y tế xã, trung tâm y tế hoặc bệnh viện đa khoa cấp huyện; biên bản họp và đề nghị của Hội đồng xác nhận người có công cấp xã; giấy xác nhận tình trạng dị dạng, dị tật của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Biên bản giám định y khoa đang lưu trong hồ sơ với danh mục dị dạng, dị tật theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ có giấy tờ đúng quy định, tình trạng dị dạng, dị tật của con đề đúng theo danh mục theo quy định tại Mục III Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP thì Sở Nội vụ có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy nhận chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Trường hợp còn vướng mắc về tình trạng dị dạng, dị tật, nếu con đề còn sống thì Sở Nội vụ cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh. Trong thời gian 40 ngày kể từ ngày nhận được giấy giới thiệu, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, kết luận tình trạng bị dị dạng, dị tật theo quy định tại Mục III Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Sở Nội vụ.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản giám định y khoa thì Sở Nội vụ có trách nhiệm xem xét, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định cấp giấy nhận chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a.3 Đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ

Bước 1: Cá nhân lập bản khai theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản khai, có trách nhiệm xác nhận bản khai, cấp giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ, lập danh sách những trường hợp đủ giấy tờ gửi Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xem xét, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định cấp giấy

chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau:

- Giấy X Y Z.

- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyển viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.

Trường hợp danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) trước ngày 01 tháng 6 năm 2022.

Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

a) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh (trừ trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ) như sau:

+ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của Bệnh viện hoặc Trung tâm y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế.

+ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án ngoại trú của Phòng khám Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo mẫu quy định của Bộ Y tế.

+ Giấy tờ do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành được xác lập từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước ghi nhận mắc bệnh thuộc nhóm bệnh thần kinh ngoại biên trong thời gian từ một đến năm tuần sau phơi nhiễm đối với trường

hợp mắc bệnh thần kinh ngoại biên cấp tính hoặc bán cấp tính.

+ Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của lần điều trị cuối cùng ghi nhận quá trình điều trị về bệnh rối loạn tâm thần liên tiếp trong 03 năm trở lên của Bệnh viện hoặc Trung tâm y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) với các bệnh rối loạn tâm thần có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo.

b) Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ thì bổ sung thêm Giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 34 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi mà bố (mẹ) chưa được hưởng: 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

(Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Giấy chứng nhận người có công.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản khai đề giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1. Người đã công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 8 năm 1961 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 tại vùng mà quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học được xác định như sau:

- Cán bộ, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng thuộc quân đội.

- Cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên thuộc công an.

- Cán bộ, công nhân viên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

- Thanh niên xung phong tập trung.
- Công an xã; dân quân; du kích; tự vệ; dân công; cán bộ thôn, ấp, xã, phường.

k2. Địa danh thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước quy định tại khoản 2 Điều 29 Pháp lệnh bao gồm các xã: Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy.

k3. Danh mục bệnh, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại khoản 2 Điều 29 Pháp lệnh được quy định tại Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và có phạm vi áp dụng như sau:

- Các bệnh quy định từ khoản 1 đến khoản 15 Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học.

- Các dị dạng, dị tật bẩm sinh quy định tại khoản 16 Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và tật gai sống chẻ đôi quy định tại khoản 17 Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học.

I. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết*

Mẫu số 09 Phụ lục 1 Nghị định 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

**Để giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến
bị nhiễm chất độc hóa học/con đẻ của người hoạt động
kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học**

1. Phần khai về người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

Họ và tên:
CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
Quê quán:
Nơi thường trú:
Số điện thoại:.....
Có quá trình hoạt động kháng chiến ở vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc

hóa học như sau:

STT	Thời gian	Cơ quan/Đơn vị	Địa bàn hoạt động
1	Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...		
2	...		

Tình trạng bệnh tật, sức khỏe hiện nay¹⁶:

2. Phần khai về con đẻ (trường hợp người hoạt động kháng chiến sinh con dị dạng, dị tật)

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CCCD/CMND/GKS, ngày cấp, nơi cấp	Tình trạng dị dạng, dị tật bẩm sinh
1				
2				
...				

...., ngày... tháng... năm...

.... ngày ... tháng ... năm

Xác nhận của UBND cấp xã
Ông (bà) hiện thường trú
tại.....

...
Người khai
(Ký, ghi rõ họ và tên)

và có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Ghi chú: ¹⁶ Ghi rõ bệnh, dị dạng, dị tật. Trường hợp vô sinh thì ghi rõ “có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ”.

8. Thủ tục hành chính Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật lập bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai và lập danh sách kèm giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy giới thiệu những trường hợp đủ điều kiện gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản sao giấy tờ ghi nhận bị dị dạng, dị tật.

Bước 4: Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Sở Nội vụ.

Bước 5: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm xem xét, nếu đủ điều kiện thì ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo Mẫu số 65 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP; quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 64 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

a) Bản khai theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Bản sao được chứng thực từ giấy khai sinh, trích lục khai sinh.

c) Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau:

- Giấy X Y Z.

- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyển viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ

bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.

Trường hợp danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Nội vụ) có trách nhiệm phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập hợp, chốt số lượng người và xác nhận danh sách, sổ quản lý đang do cơ quan, đơn vị quản lý, hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2022 và gửi số liệu về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) trước ngày 01 tháng 6 năm 2022.

Trường hợp các giấy tờ trên chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị theo Mẫu số 37 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

d) Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh hoặc dị dạng, dị tật như sau:

- Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của Bệnh viện hoặc Trung tâm y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế.

- Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án ngoại trú của Phòng khám Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo mẫu quy định của Bộ Y tế.

- Giấy xác nhận dị dạng, dị tật bẩm sinh của các cơ sở y tế cấp xã trở lên đối với con đẻ chưa khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật.

- Giấy tờ do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành được xác lập từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước ghi nhận mắc bệnh thuộc nhóm bệnh thần kinh ngoại biên trong thời gian từ một đến năm tuần sau phơi nhiễm đối với trường hợp mắc bệnh thần kinh ngoại biên cấp tính hoặc bán cấp tính theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của lần điều trị cuối cùng ghi nhận quá trình điều trị về bệnh rối loạn tâm thần liên tiếp trong 03 năm trở lên của bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả công an và quân đội) cấp với các bệnh rối loạn tâm thần có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo quy định tại khoản 15 Phụ lục V Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định trợ cấp ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản khai để giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết.*

Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI

Để giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến
bị nhiễm chất độc hóa học/con đẻ của người hoạt động
kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

1. Phần khai về người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

Họ và tên:

CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Số điện thoại:.....

Có quá trình hoạt động kháng chiến ở vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học như sau:

STT	Thời gian	Cơ quan/Đơn vị	Địa bàn hoạt động
1	Từ tháng ... năm ... đến tháng ... năm ...		
2	...		

Tình trạng bệnh tật, sức khỏe hiện nay¹⁷:

2. Phần khai về con đẻ (trường hợp người hoạt động kháng chiến sinh con dị dạng, dị tật)

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CCCD/CMND/GKS, ngày cấp, nơi cấp	Tình trạng dị dạng, dị tật bẩm sinh
1				
2				
...				

...., ngày... tháng... năm...

.... ngày ... tháng ... năm

Xác nhận của UBND cấp xã

...

Ông (bà).....

Người khai

hiện thường trú tại.....

(Ký, ghi rõ họ và tên)

và có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú: ¹⁷ Ghi rõ bệnh, dị dạng, dị tật. Trường hợp vô sinh thì ghi rõ “có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ”.

9. Thủ tục hành chính Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm một trong các giấy tờ quy định tại Điều 60 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai và lập danh sách những trường hợp đủ điều kiện kèm giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, ban hành quyết định công nhận và trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 66 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.
- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).
- Một trong các giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và thời gian, địa điểm bị tù, đày như sau:
 - + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước: lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, lý lịch công an; hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích tham gia kháng chiến; các giấy tờ, tài liệu khác.
 - + Bản sao được chứng thực từ hồ sơ hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội.
 - + Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.
 - + Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù.

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản khai để giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày (Mẫu số 10 Phụ Lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Địa điểm bị tù, đày để xem xét công nhận người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày được quy định tại Danh mục nhà tù và những nơi được coi là nhà tù do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) ban hành.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết.*

Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI¹⁸

Để giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày

1. Phần khai về người bị địch bắt tù, đày

Họ và tên: Bí danh:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp Nơi cấp
 Quê quán:
 Nơi thường trú¹⁹:
 Thời kỳ tham gia hoạt động²⁰:
 Bị bắt tù, đày từ ngày tháng năm ... đến ngày tháng năm ...
 Cơ quan, đơn vị khi bị bắt tù, đày:
 Cấp bậc, chức vụ khi bị bắt tù, đày:
 Lý do bị bắt tù, đày: Nơi bị tù:

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân hưởng trợ cấp²¹

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp Nơi cấp
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Mối quan hệ với người bị bắt tù, đày:
 Người bị địch bắt tù, đày đã chết ngày ... tháng ... năm ...²²./

....., ngày... tháng... năm...
 Xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền²³
 Ông (bà).....
 hiện thường trú tại.....

.... ngày ... tháng ... năm ...
Người khai
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

và có chữ ký trên bản khai là đúng.
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
 (Chữ ký, dấu)
Họ và tên

Ghi chú:

¹⁸ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: người bị địch bắt tù, đày còn sống hoặc đã chết.

¹⁹ Áp dụng đối với trường hợp người bị địch bắt tù, đày còn sống.

²⁰ Ghi rõ thời kỳ hoạt động: cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế.

²¹ Nếu người bị địch bắt tù, đày lập bản khai thì không khai mục này.

²² Nếu người bị địch bắt tù, đày còn sống thì không khai mục này.

²³ Trường hợp đang tại ngũ, công tác trong quân đội thì cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý xác nhận. Trường hợp khác thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

10. Thủ tục hành chính Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định 131/2021/NĐ-CP gửi đến Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai, lập danh sách gửi Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 67 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.
- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).
- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau:
 - + Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng hoặc giấy chứng nhận đeo huân chương, huy chương.
 - + Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng.
 - + Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh trở lên.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản khai để giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết.*

Mẫu 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ²⁴
Để giải quyết chế độ..... ²⁵

1. Phần khai về người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công giúp đỡ cách mạng

Họ và tên: Bí danh:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Quá trình tham gia hoạt động kháng chiến²⁶:
 Thành tích giúp đỡ cách mạng ²⁷:
 Được tặng²⁸:

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân hưởng trợ cấp ²⁹

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:.....

Mối quan hệ với người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công giúp đỡ cách mạng:

Người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công giúp đỡ cách mạng đã chết ngày ... tháng ... năm ...³⁰./.

...., ngày... tháng... năm...

.... ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của UBND cấp xã

Người khai

Ông (bà).....

(Ký, ghi rõ họ và tên)

hiện thường trú tại.....

và có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

²⁴ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công với cách mạng còn sống hoặc đã chết.

²⁵ Ghi rõ người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công với cách mạng.

²⁶ Phần khai dành cho người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Ghi rõ thời gian, đơn vị công tác, cấp bậc, chức vụ (nếu có).

²⁷ Phần khai dành cho người có công giúp đỡ cách mạng. Ghi rõ thành tích giúp đỡ cách mạng.

²⁸ Ghi rõ hình thức khen thưởng được tặng, số quyết định, ngày cấp.

²⁹ Nếu người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công giúp đỡ cách mạng lập bản khai thì không khai mục này.

³⁰ Nếu người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công với cách mạng còn sống thì không khai mục này.

11. Thủ tục hành chính Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm một trong các giấy tờ quy định tại Điều 68 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi đến Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai, lập danh sách gửi Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 67 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Bản khai theo Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.
- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).
- Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau:
 - + Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến.
 - + Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến.
 - + Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và quá trình tham gia giúp đỡ cách mạng của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh trở lên đối với trường hợp không có tên trong các giấy tờ; Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; Huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến nhưng có tên trong hồ sơ khen thưởng.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi người có công giúp đỡ cách mạng.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản khai đề giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng (Mẫu số 11 Phụ Lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết.*

Mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI³¹
Để giải quyết chế độ.....³²

1. Phần khai về người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công giúp đỡ cách mạng

Họ và tên: Bí danh:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Quá trình tham gia hoạt động kháng chiến³³:
 Thành tích giúp đỡ cách mạng³⁴:
 Được tặng³⁵:

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân hưởng trợ cấp³⁶

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:.....

Mối quan hệ với người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công giúp đỡ cách mạng:

Người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công giúp đỡ cách mạng đã chết ngày ... tháng ... năm ...³⁷./.

...., ngày... tháng... năm...

.... ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của UBND cấp xã

Người khai

Ông (bà).....hiện thường trú tại.....

(Ký, ghi rõ họ và tên)

và có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

³¹ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công với cách mạng còn sống hoặc đã chết.

³² Ghi rõ người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công với cách mạng.

³³ Phần khai dành cho người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Ghi rõ thời gian, đơn vị công tác, cấp bậc, chức vụ (nếu có).

³⁴ Phần khai dành cho người có công giúp đỡ cách mạng. Ghi rõ thành tích giúp đỡ cách mạng.

³⁵ Ghi rõ hình thức khen thưởng được tặng, số quyết định, ngày cấp.

³⁶ Nếu người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công giúp đỡ cách mạng lập bản khai thì không khai mục này.

³⁷ Nếu người hoạt động kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế/người có công với cách mạng còn sống thì không khai mục này.

12. Thủ tục hành chính Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu anh hùng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng gửi đến Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm xác nhận bản khai, lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 58 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1) Thành phần hồ sơ

- Bản khai Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
- Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến còn sống: Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng.
- Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được truy tặng: Bản sao được chứng thực từ quyết định truy tặng danh hiệu anh hùng.
- Trường hợp Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được tặng danh hiệu nhưng chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi: Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng và giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

c.2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân/Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Bản khai đề giải quyết chế độ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân hoặc Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết.*

Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI³⁸

Để giải quyết chế độ Anh hùng LLVTND, Anh hùng LĐTKKC

1. Phần khai về Anh hùng LLVTND, Anh hùng LĐTKKC³⁹

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Quyết định phong tặng/truy tặng số ngày ... tháng ... năm ... của

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân hưởng trợ cấp⁴⁰

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:.....
 Mối quan hệ với Anh hùng LLVT, Anh hùng LĐTKKC:

Anh hùng LLVT, Anh hùng LĐTKKC đã chết ngày ... tháng ... năm ...⁴¹/.
, ngày... tháng... năm... ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của UBND cấp xã

Người khai

Ông (bà).....hiện thường trú tại.....

(Ký, ghi rõ họ và tên)

và có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

³⁸ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: Anh hùng LLVTND, Anh hùng LĐTKKC còn sống hoặc đã chết.

³⁹ Nội dung bắt buộc kê khai trong cả 2 trường hợp Anh hùng LLVTND, Anh hùng LĐTKKC còn sống hoặc đã chết.

⁴⁰ Nếu Anh hùng LLVTND, Anh hùng LĐTKKC còn sống lập bản khai thì không ghi mục này

⁴¹ Anh hùng LLVTND, Anh hùng LĐTKKC còn sống thì không khai mục này.

13. Thủ tục hành chính Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người bị thương lập bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo giấy tờ chứng minh quá trình tham gia cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công và tùy từng trường hợp kèm theo một trong các giấy tờ sau:

- Trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo giấy tờ, tài liệu chứng minh bị thương.
- Trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP thì kèm theo kết quả chụp phim và kết luận của của Bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an). Nếu đã phẫu thuật lấy mảnh kim khí thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, xác nhận bản khai, niêm yết công khai danh sách tại thôn, xã nơi người bị thương thường trú trước khi bị thương; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để lấy ý kiến của nhân dân. Thời hạn niêm yết thông báo tối thiểu là 30 ngày. Lập biên bản kết quả niêm yết công khai.

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả niêm yết công khai phải tổ chức họp Hội đồng xác nhận người có công cấp xã để xem xét đối với các trường hợp không có ý kiến khiếu nại, tố cáo của nhân dân, lập biên bản theo Mẫu số 79 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Trường hợp người bị thương trước khi tham gia cách mạng thường trú ở địa phương khác thì trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ theo quy định tại Bước 1, có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thương thường trú trước khi tham gia cách mạng thực hiện các thủ tục quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 81 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Giao cơ sở y tế kiểm tra vết thương thực thể và lập biên bản theo Mẫu số 46 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP không ghi nhận các vết thương cụ thể hoặc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định 131/2021/NĐ-CP mà có khai thêm các vết thương khác.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị thương thường trú cấp giấy chứng nhận bị thương đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền; chuyển toàn bộ hồ sơ về Sở Nội vụ để thẩm định.

- Trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thì chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền

theo quy định tại khoản 3 hoặc 4 Điều 36 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Người bị thương là Thanh niên xung phong nếu thuộc Bộ Xây dựng quản lý thì chuyển hồ sơ đến Bộ Xây dựng để cấp giấy chứng nhận bị thương. Người bị thương là Thanh niên xung phong nếu thuộc các cơ quan, đơn vị khác quản lý thì chuyển đến Sở Nội vụ để xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận bị thương.

Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, cấp giấy chứng nhận bị thương và chuyển hồ sơ về Sở Nội vụ nơi người bị thương thường trú.

Bước 4: Sở Nội vụ có trách nhiệm sau:

- Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản sao giấy chứng nhận bị thương gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 59 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP hoặc ban hành quyết định trợ cấp thương tật một lần theo quy định tại Mẫu số 61 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 5: Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Sở Nội vụ.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Bản khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Giấy tờ chứng minh quá trình tham gia cách mạng quy định khoản 1 tại Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP:

- + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hồ sơ bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước (đối với người tham gia cách mạng sau đó tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước)

- + Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến hoặc một trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với người tham gia kháng chiến chống Pháp; chống Mỹ; tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở

Campuchia, giúp bạn Lào (đối với người tham gia cách mạng sau đó không tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước).

- Tùy từng trường hợp kèm theo một trong các giấy tờ sau:

+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh bị thương và bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

+ Kết quả chụp phim và kết luận của Bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) đối với vết thương còn mảnh kim khí trong cơ thể với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Nếu đã phẫu thuật lấy dị vật thì phải kèm theo phiếu phẫu thuật hoặc giấy ra viện hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án ghi nhận nội dung này.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 72 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hoặc quyết định trợ cấp thương tật một lần.

- Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh.

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Đủ điều kiện, tiêu chuẩn xem xét công nhận theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

l. Căn cứ pháp lý ban hành:

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KHAI****Để công nhận và giải quyết chế độ thương binh/
người hưởng chính sách như thương binh**

Họ và tên:.....
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:.....
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:.....
 Nơi thường trú:.....
 Số điện thoại:.....
 Nhập ngũ/tham gia công tác ngày ... tháng ... năm ...
 Phục viên (xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu): ngày ... tháng ... năm
 Hiện nay đang hưởng chế độ (bệnh binh, mất sức lao động):
 Số lần bị thương:

Thông tin bị thương	Lần 1	Lần 2	Lần
Ngày tháng năm bị thương			
Cơ quan, đơn vị khi bị thương			
Cấp bậc, chức vụ khi bị thương			
Nơi bị thương			
Các vết thương			
Điều trị sau khi bị thương tại			
Thời gian ra viện			

...., ngày... tháng... năm...

Xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền⁴²

Ông (bà).....

hiện thường trú tại.....

và có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

.... ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:⁴²Trường hợp người bị thương thuộc quân đội, công an đã phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Trường hợp người bị thương đang tại ngũ, công tác trong quân đội, công an thì cơ quan đơn vị trực tiếp quản lý xác nhận.

14. Thủ tục hành chính “Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý”

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 22 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công kèm bản sao được chứng thực từ quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, xác nhận đơn đề nghị, nếu đủ điều kiện thì có văn bản kèm các giấy tờ gửi Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ người có công.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm ban hành quyết định tiếp nhận theo Mẫu số 71 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp đề nghị vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý.

Trường hợp đặc biệt, người có công hoặc thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng không thuộc đối tượng quy định tại Điều 111 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP sống cô đơn thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý trung tâm nuôi dưỡng xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể trong thời gian không quá 03 ngày làm việc.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1 Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 22 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.
- Bản sao được chứng thực từ quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công.

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp đề nghị vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều

dưỡng người có công.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị vào nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng người có công (Mẫu số 22 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP)

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
 - Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước
 - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
 - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
 - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.
 - Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ.
 - Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
 - Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.
- *Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 22 phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Vào nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng người có công

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

1. Thông tin về người đề nghị⁴³

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Quê quán:

Nơi thường trú:

Số điện thoại:.....

Mối quan hệ với người có công:

2. Thông tin về thương binh hoặc bệnh binh

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là⁴⁴..... có tỷ lệ tổn thương cơ thể.....%,.....⁴⁵

Hiện đang sống độc thân và không còn thân nhân, đề nghị được vào cơ sở nuôi dưỡng người có công.

Tôi xin cam đoan chấp hành nghiêm túc mọi quy định của Nhà nước và thực hiện đầy đủ các thủ tục về việc tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng người có công theo quy định./.

....., ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã

Nội dung khai và chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

.... ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

⁴³ Áp dụng đối với trường hợp người có công không đủ năng lực hành vi dân sự thì người đề nghị khai mục này.

⁴⁴ Ghi rõ thương binh hay bệnh binh.

⁴⁵ Ghi rõ có thương tật, bệnh tật đặc biệt nặng không.

15. Thủ tục hành chính Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người bị thương có trách nhiệm xác lập, hoàn thiện các giấy tờ theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 36 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và khoản 2 Điều 12 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

Bước 2: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, cấp giấy chứng nhận bị thương theo Mẫu số 35 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi người bị thương thường trú.

Bước 3: Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và cấp giấy giới thiệu đối với trường hợp đủ điều kiện theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm theo bản sao giấy chứng nhận bị thương gửi đến Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật.

Bước 4: Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trong thời gian 40 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định thương tật, gửi biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đến Sở Nội vụ.

Bước 5: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm:

Ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 59 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đồng thời thực hiện việc cấp giấy chứng nhận theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% trở lên hoặc ban hành quyết định trợ cấp thương tật một lần theo Mẫu số 61 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 5% đến 20%. Thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng là: cụt hoặc liệt hoàn toàn hai chi trở lên; mù hoàn toàn hai mắt; tâm thần nặng dẫn đến không tự lực được trong sinh hoạt thì được hưởng phụ cấp đặc biệt hằng tháng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Đồng thời cấp giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

Bản tóm tắt bệnh án điều trị vết thương của bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả công an và quân đội) cấp, kèm một trong các giấy tờ sau:

- Trường hợp bị thương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh phải có giấy xác nhận trường hợp bị thương do các cơ quan, đơn vị đã được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP cấp.

- Trường hợp bị thương quy định tại điểm đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh thì phải có các giấy tờ theo quy định tương ứng tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7 Điều 17 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Trường hợp bị thương quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh phải có quyết định phân công nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, biên bản xảy ra sự việc kèm theo bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở địa bàn đặc biệt khó khăn như sau: lý lịch cán bộ; lý lịch quân nhân; lý lịch đảng viên; hồ sơ bảo hiểm xã hội.

- Trường hợp bị thương trong kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ, chiến tranh biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào và Campuchia, truy quét Ful rô quy định tại một trong các khoản a, b, c, d, đ Điều 23 Pháp lệnh thì thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 12 Chương II Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

c2: Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 72 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, hồ sơ.
(Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người bị thương

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nội vụ nơi thường trú của người bị thương, Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương, Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

- Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh.

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

k1. Trực tiếp phục vụ chiến đấu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định là thực hiện các nhiệm vụ trong lúc trận đánh đang diễn ra hoặc trong khi địch đang bắn phá: cứu thương, tải thương, tải đạn, đảm bảo thông tin liên lạc, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu.

k2. Địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

k3. Trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập hoặc làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định như sau:

- Nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập có tính chất nguy hiểm trong các trường hợp sau: bắn đạn thật, sử dụng thuốc nổ; chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa thiên tai; trong huấn luyện chiến đấu, diễn tập của lực lượng: không quân, hải quân, kiểm ngư, cảnh sát biển, đặc công, trinh sát đặc nhiệm, cảnh sát cơ động, đặc nhiệm.

- Làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm khi: chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa thiên tai; thực hiện nhiệm vụ của kiểm ngư, cảnh sát biển; tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; rà phá, xử lý, tiêu hủy bom mìn, vật liệu nổ; nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, thử nghiệm, bảo quản, vận chuyển thuốc phóng, thuốc nổ, vũ khí, đạn dược; xây dựng công trình ngầm quốc phòng, an ninh.

k4. Địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo có điều kiện đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sau đây gọi là địa bàn đặc biệt khó khăn) là địa bàn có điều kiện tự nhiên hiểm trở, khắc nghiệt, khó khăn để xảy ra tai nạn, bao gồm các địa bàn theo Phụ lục IV Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

k5. Trực tiếp làm nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm quy định tại điểm I khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh là trực tiếp thực thi nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giao nhằm điều tra, phát hiện, ngăn chặn, bắt giữ đối tượng phạm tội hoặc ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội thuộc các tội được quy định trong Bộ luật Hình sự.

k6. Xem xét công nhận thương binh theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh bao gồm các yếu tố sau:

- Nhận thức được đầy đủ sự nguy hiểm và tính cấp bách của sự việc.
- Chủ động thực hiện hành vi đặc biệt dũng cảm, chấp nhận hy sinh bản thân.
- Bảo vệ lợi ích quan trọng của Nhà nước, tính mạng và lợi ích hợp pháp của Nhân dân hoặc để ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

- Là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội, được tặng thưởng Huân chương và được cơ quan quản lý nhà nước về người có công tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước.

k7. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

1. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục hành chính Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi đang thường trú.

Bước 2: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ đang quản lý để ban hành quyết định hưởng thêm chế độ trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 62 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Trợ cấp, phụ cấp đối với thương binh được xác định theo biên bản giám định thương tật cuối cùng.

Trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước không còn giấy tờ thể hiện tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật hoặc thất lạc thì trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, có văn bản đề nghị Cục Chính sách - Xã hội, Tổng cục Chính trị quân đội nhân dân Việt Nam (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng trong quân đội) hoặc Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an (đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong công an) cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ để giải quyết chế độ.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp theo Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận bị thương.

- Bản sao Giấy chứng nhận bệnh binh.

- Biên bản giám định y khoa.

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ (chưa bao gồm thời gian xử lý của các cơ quan cấp bản trích lục hồ sơ thương binh làm căn cứ để giải quyết chế độ)

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nội vụ.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định về việc hưởng thêm chế độ trợ cấp ưu đãi.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị giải quyết thêm chế độ trợ cấp (Mẫu số 19 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đủ điều kiện hưởng thêm chế độ trợ cấp.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Giải quyết thêm chế độ trợ cấp

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh.....¹.....

1. Thông tin người đề nghị

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp.....
 Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Hiện đang hưởng chế độ:.....
 Đề nghị giải quyết thêm chế độ:.....

2. Thông tin về chế độ thương binh

Là thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể:
 Ngày tháng năm bị thương:
 Cấp bậc, chức vụ khi bị thương:
 Cơ quan, đơn vị khi bị thương:
 Đã được cấp Giấy chứng nhận thương binh số ... ngày ... tháng... năm ... của

3. Thông tin về chế độ bệnh binh

Là bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể:.....
 Cấp bậc, chức vụ khi bị bệnh:
 Cơ quan, đơn vị khi bị bệnh:
 Đã được cấp Giấy chứng nhận bệnh binh số ... ngày ... tháng ... năm .. của

4. Thông tin về chế độ mất sức lao động

Tỷ lệ tổn thương cơ thể:

Theo Biên bản giám định y khoa số ... ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng giám định y khoa.

Đề nghị Sở Nội vụ tỉnh.....xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

.... ngày... tháng... năm...

...., ngày... tháng... năm...

Xác nhận của UBND cấp xã
 Ông (bà)..... hiện thường trú tại..... và
 có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI

KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Người khai
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

Mục 2, 3, 4: Người thuộc đối tượng nào thì khai vào mục tương ứng.

¹ Sở Nội vụ nơi thường trú.

2. Thủ tục hành chính Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân làm đơn đề nghị theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Bước 2: Sở Nội vụ trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ, có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và cấp giấy giới thiệu đối với trường hợp đủ điều kiện theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản trích lục hồ sơ thương binh, bản sao chứng nhận bị thương gửi đến Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật.

Bước 3: Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định thương tật, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ. Trường hợp chưa ban hành biên bản phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Bước 4: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm ban hành quyết định điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 60 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP hoặc quyết định cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 59 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời sau khi giám định lại có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% trở lên. Đồng thời cấp giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh theo Mẫu số 102 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b) Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

c1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người bị thương theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận bị thương.

- Biên bản của các lần giám định trước.

- Kết quả chụp, chiếu và chẩn đoán của bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả công an và quân đội) cấp đối với trường hợp người bị thương còn sót mảnh kim khí trong cơ thể.

- Phiếu phẫu thuật hoặc tóm tắt hồ sơ bệnh án của của bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả công an và quân đội) cấp đối với trường hợp đã phẫu thuật lấy dị vật.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền (cấp tỉnh, các bộ)

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hoặc quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

h. Lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người bị thương (Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an.

l. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
- Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
- Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
- Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 31/2021/NĐ-CP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người bị thương

Kính gửi: ¹.....

1. Thông tin về thương binh, người bị thương

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp.....
 Nơi cấp:
 Quê quán:.....
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Ngày tháng năm bị thương:
 Trường hợp bị thương:
 Các vết thương:
 Tỷ lệ tổn thương cơ thể đã giám định: %.....².....
 Thương binh loại:³
 Đã hưởng trợ cấp theo quyết định số:

2. Thông tin về người đề nghị⁴

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 Căn cước/Căn cước công dân số Ngày cấp.....
 Nơi cấp:
 Quê quán:.....
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:
 Mối quan hệ với thương binh, người bị thương:

3. Nội dung đề nghị:⁵

.... ngày... tháng... năm...

Xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền⁶

Ông (bà).....hiện thường trú

tại.....và có chữ ký trên bản khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

¹Sở Nội vụ nơi thường trú hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc quân đội, công an.

²Ghi rõ tạm thời hay vĩnh viễn.

³Ghi rõ thương binh loại A hay loại B.

⁴Áp dụng đối với trường hợp người có công không đủ năng lực hành vi dân sự thì người đề nghị khai mục này.

⁵Ghi rõ nội dung giám định: Giám định lại vết thương đặc biệt tái phát, còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí, có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc giám định bổ sung vết thương.

⁶UBND cấp xã xác nhận đối với trường hợp do Sở Nội vụ quản lý. Cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xác nhận đối với trường hợp đang tại ngũ, công tác trong quân đội, công an.

3. Thủ tục hành chính Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thương binh làm đơn đề nghị theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Công Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Bước 2: Sở Nội vụ nơi thường trú trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ nêu trên có trách nhiệm đối chiếu hồ sơ đang lưu tại Sở, nếu đủ điều kiện thì cấp giấy giới thiệu theo Mẫu số 38 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm bản trích lục hồ sơ thương binh, bản sao giấy chứng nhận bị thương hoặc bản sao phiếu thương tật trong trường hợp không còn giấy chứng nhận bị thương gửi đến Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền để xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật.

Bước 3: Hội đồng giám định y khoa trong thời gian 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm tổ chức khám giám định, ban hành biên bản giám định y khoa theo Mẫu số 78 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Sở Nội vụ. Trường hợp chưa ban hành biên bản phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Bước 4: Sở Nội vụ trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận biên bản giám định y khoa có trách nhiệm ban hành quyết định điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Mẫu số 60 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

b. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

c.1.. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.
- Bản tóm tắt bệnh án điều trị vết thương tái phát của Bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an).
- Phiếu phẫu thuật nếu đã phẫu thuật.

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 34 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nội vụ; Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền (cấp tỉnh, các bộ).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Biên bản giám định y khoa
- Quyết định điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người bị thương (Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l. Căn cứ pháp lý

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.
 - Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.
 - Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
 - Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.
 - Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ.
 - Nghị quyết 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.
- *Ghi chú: Thủ tục hành chính này sửa đổi trình tự thực hiện; thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.*

Mẫu số 33 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh, người bị thương**Kính gửi: ⁴⁶**1. Thông tin về thương binh, người bị thương**

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Quê quán:

Nơi thường trú:.....

Số điện thoại:.....

Ngày tháng năm bị thương:.....

Trường hợp bị thương:

Các vết thương:

Tỷ lệ tổn thương cơ thể đã giám định: % ⁴⁷Thương binh loại: ⁴⁸

Đã hưởng trợ cấp theo quyết định số:

2. Thông tin về người đề nghị ⁴⁹

Họ và tên:

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:

CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Quê quán:

Nơi thường trú:

Số điện thoại:..... Mối quan hệ với thương binh, người bị thương:

3. Nội dung đề nghị: ⁵⁰

....., ngày... tháng... năm...

.... ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ⁵¹**Người khai**Ông (bà)..... hiện thường trú
tại..... và có chữ ký trên bản khai là đúng.

(Ký, ghi rõ họ và tên)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên**Ghi chú:**⁴⁶ Sở Nội vụ nơi thường trú hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc quân đội, công an.⁴⁷ Ghi rõ tạm thời hay vĩnh viễn.⁴⁸ Ghi rõ thương binh loại A hay loại B.⁴⁹ Áp dụng đối với trường hợp người có công không đủ năng lực hành vi dân sự thì người đề nghị khai mục này.⁵⁰ Ghi rõ nội dung giám định: Giám định lại vết thương đặc biệt tái phát, còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí, có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc giám định bổ sung vết thương.⁵¹ UBND cấp xã xác nhận đối với trường hợp do Sở Nội vụ quản lý. Cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xác nhận đối với trường hợp đang tại ngũ, công tác trong quân đội, công an.